

**THÔNG BÁO**

**Kết quả điểm xét tuyển, dự kiến thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng giáo viên trung học phổ thông công lập tỉnh Thanh Hóa, năm 2020**

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 5051/UBND-THKH ngày 23/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm giáo viên các trường THPT công lập tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Phương án số 1232/PA-SGDĐT ngày 07/5/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tuyển dụng viên chức làm giáo viên trung học phổ thông công lập tỉnh Thanh Hóa, năm 2020;

Căn cứ báo cáo kết quả của Hội đồng tuyển dụng giáo viên THPT công lập tỉnh Thanh Hóa ngày 23/6/2020;

Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa thông báo kết quả xét tuyển, dự kiến thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng giáo viên trung học phổ thông công lập tỉnh Thanh Hóa, như sau:

1. Số thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 (phỏng vấn): 568 người.
2. Số thí sinh tham dự phỏng vấn: 530 người.
3. Số thí sinh vắng mặt: 38 người.
4. Danh sách dự kiến thí sinh trúng tuyển của 13 môn (*Kèm theo thông báo này*).

Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa thông báo để các thí sinh đăng ký tuyển dụng giáo viên THPT công lập tỉnh năm 2020 biết.

**Nơi nhận:**

- Các thí sinh đăng ký dự tuyển;
- Các thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Trang thông tin điện tử Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCCB, HĐTD.



**Phạm Thị Hằng**

**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**

Vị trí việc làm: Giáo viên Ngữ văn

| TT | SBD   | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                 | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên    |
|----|-------|--------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|----------------------|
| 1  | NV029 | Hà Thị Hương       | 27/08/1997            | Minh Nghĩa, Nông Cống    | THPT Mường Lát          | 65.0      |              | 65.0           | Trúng tuyển         |                      |
| 2  | NV038 | Hà Thị Lệ          | 24/07/1997            | Pù Nhi, Mường Lát        | THPT Mường Lát          | 55.0      | 5.00         | 60.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 3  | NV041 | Nguyễn Thị Linh    | 18/06/1991            | Thạch Lâm, Thạch Thành   | THPT Mường Lát          | 55.0      | 5.00         | 60.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 4  | NV040 | Nguyễn Thị Liên    | 03/04/1985            | Thiệu Long, Thiệu Hóa    | THPT Quan Sơn           | 87.0      |              | 87.0           | Trúng tuyển         |                      |
| 5  | NV001 | Lê Thị Vân Anh     | 23/11/1997            | Diễn Châu, Nghệ An       | THPT Quan Sơn           | 81.0      | 5.00         | 86.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 6  | NV064 | Vũ Thị Phương Thảo | 25/07/1997            | Hà Bình, Hà Trung        | THPT Quan Sơn           | 62.0      |              | 62.0           |                     |                      |
| 7  | NV081 | Phạm Thị Tuyến     | 11/09/1990            | Mường Mìn, Quan Sơn      | THCS&THPT Quan Sơn      | 75.0      | 5.00         | 80.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 8  | NV075 | Lê Thị Trang       | 07/05/1982            | Quảng Trạch, Quảng Xương | THPT Bá Thước           | 82.0      |              | 82.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 9  | NV087 | Hoàng Văn Việt     | 23/02/1983            | Lâm Xa, Bá Thước         | THCS&THPT Bá Thước      | 80.0      |              | 80.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 10 | NV039 | Hà Thị Liên        | 11/01/1985            | Lũng Niêm, Bá Thước      | THCS&THPT Bá Thước      | 72.0      | 5.00         | 77.0           | Trúng tuyển         | HĐ, DT, Cử tuyển     |
| 11 | NV028 | Hà Văn Hưng        | 11/06/1987            | Lũng Cao, Bá Thước       | THCS&THPT Bá Thước      | 79.0      | 5.00         | 84.0           |                     | Cử tuyển, Con LS, DT |
| 12 | NV090 | Bùi Thị Vân        | 08/04/1988            | Vụ Bản, Nam Định         | THPT Lang Chánh         | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 13 | NV017 | Vi Thị Thu Hằng    | 05/10/1992            | Lũng Cao, Bá Thước       | THPT Lang Chánh         | 89.0      | 5.00         | 94.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 14 | NV009 | Nguyễn Văn Đình    | 03/02/1995            | Hà Bình, Hà Trung        | THPT Lang Chánh         | 85.0      |              | 85.0           | Trúng tuyển         |                      |
| 15 | NV043 | Đinh Thị Linh      | 30/04/1997            | Hoàng Phúc, Hoàng Hóa    | THPT Lang Chánh         | 85.0      |              | 85.0           | Trúng tuyển         |                      |
| 16 | NV010 | Nguyễn Đình Đông   | 15/07/1990            | Ngọc Trung, Ngọc Lặc     | THPT Lang Chánh         | 78.5      | 5.00         | 83.5           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 17 | NV015 | Đinh Thị Dung      | 29/09/1994            | Phú Xuân, Thọ Xuân       | THPT Lang Chánh         | 75.0      |              | 75.0           |                     |                      |
| 18 | NV079 | Mai Thị Trang      | 19/08/1997            | Xuân Thiên, Thọ Xuân     | THPT Lang Chánh         | 75.0      |              | 75.0           |                     |                      |
| 19 | NV078 | Nguyễn Thị Trang   | 27/08/1997            | Thọ Minh, Thọ Xuân       | THPT Lang Chánh         | 72.0      |              | 72.0           |                     |                      |
| 20 | NV073 | Nguyễn Duy Tinh    | 15/03/1989            | Thiệu Khánh, Thiệu Hóa   | THPT Lang Chánh         | 62.0      | 5.00         | 67.0           |                     | Con TB               |
| 21 | NV061 | Lương Thị Thắm     | 07/06/1994            | Tân Phúc, Lang Chánh     | THPT Lang Chánh         | 61.0      | 5.00         | 66.0           |                     | DT thiếu số          |



|    | Họ và tên                  | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên     |
|----|----------------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-----------------------|
| 22 | NV087 Nguyễn Thị Lan       | 18/08/1987            | Cầm Quý, Cầm Thủy       | THPT Lang Chánh         | 60.0      | 5.00         | 65.0           |                     |                       |
| 23 | NV067 Hoàng Thị Thơm       | 06/04/1994            | TT Lang Chánh           | THPT Lang Chánh         | 50.0      | 5.00         | 55.0           |                     | DT thiếu số           |
| 24 | NV021 Ngân Thị Hiền        | 08/03/1992            | Lâm Phú, Lang Chánh     | THPT Lang Chánh         | 19.0      | 5.00         | 24.0           |                     | DT thiếu số           |
| 25 | NV072 Phạm Nguyễn Thuýn    | 20/08/1986            | Cầm Yên, Cầm Thủy       | THPT Lang Chánh         | Vắng      |              |                |                     | DT thiếu số           |
| 26 | NV045 Trịnh Hà Mi          | 14/06/1997            | Hợp Thắng, Triệu Sơn    | THPT Lang Chánh         | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 27 | NV023 Nguyễn Thị Hiệp      | 10/07/1987            | Quảng Phú, TPTH         | THPT Như Xuân           | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 28 | NV052 Nguyễn Thị Ngọc      | 08/03/1984            | Thiệu Chính, Thiệu Hóa  | THPT Như Xuân           | 78.0      |              | 78.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 29 | NV006 Nguyễn Thị Chinh     | 15/08/1987            | Phú Nhuận, Như Thanh    | THPT Như Xuân           | 84.5      |              | 84.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 30 | NV076 Lê Thị Trang         | 09/09/1995            | Quảng Lợi, Quảng Xương  | THPT Như Xuân           | 50.0      |              | 50.0           |                     |                       |
| 31 | NV024 Đỗ Thị Hoa           | 16/05/1990            | Thiệu Châu, Thiệu Hóa   | THPT Cầm Bá Thước       | 63.0      |              | 63.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 32 | NV082 Hoàng Thị Hồng Vân   | 29/09/1981            | Hà Lĩnh, Hà Trung       | THPT Như Thanh 2        | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 33 | NV005 Phạm Thị Chinh       | 24/05/1989            | Mỹ Tân, Ngọc Lặc        | THPT Ngọc Lặc           | 60.0      | 5.00         | 65.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số           |
| 34 | NV025 Nguyễn Thị Thùy Huân | 07/08/1987            | Thọ Xương, Thọ Xuân     | THPT Lê Lai             | 90.0      | 5.00         | 95.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con TB      |
| 35 | NV054 Đinh Thị Nhân        | 28/09/1984            | Kiên Thọ, Ngọc Lặc      | THPT Lê Lai             | 88.0      | 5.00         | 93.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT thiếu số |
| 36 | NV060 Lê Thị Tâm           | 17/10/1984            | Quảng Thọ, TP Sầm Sơn   | THPT Lê Lai             | 50.0      | 5.00         | 55.0           |                     | Hợp đồng, Con TB      |
| 37 | NV030 Phạm Thị Hương       | 18/04/1986            | Cầm Long, Cầm Thủy      | THPT Lê Lai             | 90.0      | 5.00         | 95.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số           |
| 38 | NV050 Phùng Thị Bích Ngọc  | 02/09/1997            | Phú Xuân, Thọ Xuân      | THPT Lê Lai             | 88.0      |              | 88.0           |                     |                       |
| 39 | NV088 Thiều Thị Việt       | 18/04/1989            | Đông Tiến, Đông Sơn     | THPT Lê Lai             | 85.0      |              | 85.0           |                     |                       |
| 40 | NV051 Trịnh Thị Ngọc       | 17/12/1988            | Thọ Lập, Thọ Xuân       | THPT Lê Lai             | 76.0      | 5.00         | 81.0           |                     | Con TB                |
| 41 | NV057 Nguyễn Thị Phương    | 19/08/1988            | Quảng Phú, TPTH         | THPT Lê Lai             | 79.0      |              | 79.0           |                     |                       |
| 42 | NV085 Mai Thị Hà Vi        | 06/09/1996            | Minh Sơn, Ngọc Lặc      | THPT Lê Lai             | 71.0      |              | 71.0           |                     |                       |
| 43 | NV058 Lê Thị Quân          | 14/05/1993            | Đồng Lương, Lang Chánh  | THPT Lê Lai             | 55.0      | 5.00         | 60.0           |                     | DT thiếu số           |
| 44 | NV059 Vũ Thị Quỳnh         | 15/10/1997            | Đa Lộc, Hậu Lộc         | THPT Lê Lai             | 60.0      |              | 60.0           |                     |                       |
| 45 | NV007 Đinh Văn Cường       | 06/07/1992            | Ngọc Trung, Ngọc Lặc    | THPT Bắc Sơn            | 70.0      | 5.00         | 75.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số           |
| 46 | NV044 Phạm Thị Thanh Mai   | 10/08/1986            | Thạch Định, Thạch Thành | THPT Thạch Thành 2      | 88.0      |              | 88.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 47 | NV003 Quách Thị Ngọc Ánh   | 21/09/1991            | Thành Tâm, Thạch Thành  | THPT Thạch Thành 2      | 76.5      | 5.00         | 81.5           |                     | DT thiếu số           |



| STT | SBD   | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                 | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên     |
|-----|-------|----------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-----------------------|
| 48  | NV026 | Nguyễn Thị Hạnh      | 02/03/1986            | Thạch Cẩm, Thạch Thành   | THPT Thạch Thành 4      | 75.0      | 5.00         | 80.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT          |
| 49  | NV027 | Cao Thị Huế          | 14/05/1987            | Cẩm Tú, Cẩm Thủy         | THPT Cẩm Thủy 1         | 90.0      | 5.00         | 95.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số           |
| 50  | NV086 | Phạm Thị Viên        | 06/10/1987            | Cẩm Thành, Cẩm Thủy      | THPT Cẩm Thủy 3         | 85.0      | 5.00         | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT thiếu số |
| 51  | NV004 | Phạm Tùng Chi        | 04/06/1995            | Nga Thành, Nga Sơn       | THPT Yên Định 3         | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 52  | NV056 | Trần Thị Phương      | 19/07/1993            | Vĩnh Hòa, Vĩnh Lộc       | THPT Yên Định 3         | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 53  | NV084 | Phan Thị Vân         | 19/05/1997            | Gia Linh, Quảng Trị      | THPT Yên Định 3         | 65.0      |              | 65.0           |                     |                       |
| 54  | NV069 | Hà Thị Thu           | 26/09/1985            | Đông Thanh, Đông Sơn     | THPT Yên Định 3         | 62.0      |              | 62.0           |                     |                       |
| 55  | NV035 | Trịnh Thị Thu Huyền  | 15/11/1991            | Yên Giang, Yên Định      | THPT Yên Định 3         | 55.0      |              | 55.0           |                     |                       |
| 56  | NV062 | Lê Hữu Thắng         | 11/02/1991            | Quý Lộc, Yên Định        | THPT Yên Định 3         | Vắng      |              |                |                     | Con Bệnh binh         |
| 57  | NV031 | Phùng Thị Hương      | 28/12/1978            | Hải Lĩnh, TX Nghi Sơn    | THCS&THPT Nghi Sơn      | 85.0      |              | 85.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 58  | NV066 | Kha Thị Kim Thoa     | 23/05/1988            | Tương Dương, Nghệ An     | THCS&THPT Nghi Sơn      | 68.0      | 5.00         | 73.0           |                     | DT thiếu số           |
| 59  | NV018 | Nguyễn Ngọc Thu Hằng | 09/04/1990            | Xuân Thiên, Thọ Xuân     | THPT Thọ Xuân 4         | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 60  | NV012 | Nguyễn Thị Dung      | 29/08/1989            | Minh Tâm, Thiệu Hóa      | THPT Thọ Xuân 4         | 75.0      |              | 75.0           |                     |                       |
| 61  | NV032 | Chu Thị Hương        | 26/10/1997            | Xuân Thiên, Thọ Xuân     | THPT Thọ Xuân 4         | 50.5      |              | 50.5           |                     |                       |
| 62  | NV002 | Ngô Thị Lan Anh      | 01/02/1986            | Vĩnh Thành, Vĩnh lộc     | THPT Thọ Xuân 4         | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 63  | NV083 | Lê Thị Vân           | 27/08/1986            | Tây Hồ, Thọ Xuân         | THPT Thọ Xuân 5         | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 64  | NV013 | Nguyễn Thị Dung      | 03/08/1982            | Quảng Văn, Quảng Xương   | THPT Nông Cống 3        | 81.0      |              | 81.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 65  | NV049 | Lê Thị Kim Ngân      | 25/04/1989            | Trường Giang, Nông Cống  | THPT Quảng Xương 2      | 88.0      |              | 88.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 66  | NV019 | Lê Thị Hạnh          | 15/02/1984            | Quảng Trạch, Quảng Xương | THPT Quảng Xương 2      | 81.0      |              | 81.0           |                     | Hợp đồng              |
| 67  | NV011 | Phạm Thùy Dung       | 19/05/1986            | Cẩm Yên, Cẩm Thủy        | THPT Quảng Xương 4      | 88.0      | 5.00         | 93.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT          |
| 68  | NV016 | Trần Thùy Giang      | 12/05/1996            | Đông Hòa, Đông Sơn       | THPT Quảng Xương 4      | 68.0      | 5.00         | 73.0           |                     | Con người NCD HH      |
| 69  | NV034 | Trần Thị Hường       | 19/06/1983            | Quảng Vinh, TP Sầm Sơn   | THPT Quảng Xương 4      | 71.0      |              | 71.0           |                     |                       |
| 70  | NV065 | Mai Thị Thảo         | 11/12/1988            | Quảng Lộc, Quảng Xương   | THPT Quảng Xương 4      | 70.0      |              | 70.0           |                     |                       |
| 71  | NV063 | Lê Thị Thảo          | 05/09/1991            | Quảng Hải, Quảng Xương   | THPT Quảng Xương 4      | 61.0      |              | 61.0           |                     |                       |
| 72  | NV071 | Phạm Thị Thủy        | 04/10/1991            | Hải Hòa, Tĩnh Gia        | THPT Tĩnh Gia 1         | 62.0      | 5.00         | 67.0           | Trúng tuyển         | Con TB                |
| 73  | NV026 | Lê Thị Huê           | 14/10/1982            | Hoàng Phú, Hoàng Hóa     | THPT Tĩnh Gia 2         | 91.0      |              | 91.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |



|    | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán   | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH           | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-----------|-----------------------|------------|-------------------------|---------------------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 74 | NV070     | Phạm Thị Thu          | 20/04/1983 | Hải Châu, Tỉnh Gia      | THPT Tỉnh Gia 2     | 72.0         |                | 72.0                | Hợp đồng          |
| 75 | NV022     | Phạm Mỹ Hiền          | 19/05/1984 | Hải Châu, Tỉnh Gia      | THPT Tỉnh Gia 2     | 66.0         | 5.00           | 71.0                | DT thiếu số       |
| 76 | NV014     | Đỗ Thị Dung           | 12/04/1990 | Tuy Lộc, Hậu Lộc        | THPT Hậu Lộc 1      | 87.5         |                | 87.5                | Trúng tuyển       |
| 77 | NV068     | Hoàng Thị Thu         | 09/01/1995 | Phú Lộc, Hậu Lộc        | THPT Hậu Lộc 1      | 60.0         |                | 60.0                |                   |
| 78 | NV074     | Hoàng Thị Thùy Trang  | 11/08/1995 | Tuy Lộc, Hậu Lộc        | THPT Hậu Lộc 1      | 60.0         |                | 60.0                |                   |
| 79 | NV089     | Đỗ Thị Vinh           | 19/09/1979 | Trung Sơn, Sầm Sơn      | THPT Nguyễn Thị Lợi | 86.0         |                | 86.0                | Trúng tuyển       |
| 80 | NV047     | Nguyễn Thị Nga        | 05/11/1981 | Thọ Diên, Thọ Xuân      | THPT Nguyễn Thị Lợi | 84.0         |                | 84.0                | Trúng tuyển       |
| 81 | NV033     | Nguyễn Thị Hường      | 09/01/1995 | Đông Yên, Đông Sơn      | THPT Nguyễn Thị Lợi | 64.5         | 5.00           | 69.5                | Con TB            |
| 82 | NV046     | Bùi Nhật Minh         | 16/07/1997 | Thành Yên, TP Thanh Hóa | THPT Nguyễn Thị Lợi | 65.0         |                | 65.0                |                   |
| 83 | NV048     | Lê Thị Nga            | 10/04/1993 | Quảng Minh, Sầm Sơn     | THPT Nguyễn Thị Lợi | 60.0         |                | 60.0                |                   |
| 84 | NV036     | Lương Thị Khánh       | 28/11/1989 | Xuân Lẻ, Thường Xuân    | THPT Thường Xuân 3  | 60.0         | 5.00           | 65.0                | Trúng tuyển       |
| 85 | NV053     | Hà Văn Ngự            | 13/11/1985 | Ban Công, Bá Thước      | THCS&THPT Quan Hóa  | 70.0         | 5.00           | 75.0                | Trúng tuyển       |
| 86 | NV077     | Nguyễn Thị Thu Trang  | 29/10/1995 | Định Thành, Yên Định    | THCS&THPT Quan Hóa  | 60.0         |                | 60.0                | Trúng tuyển       |
| 87 | NV055     | Hoàng Thị Nhung       | 22/06/1989 | Xuân Phong, Thọ Xuân    | THCS&THPT Như Xuân  | 89.0         |                | 89.0                | Trúng tuyển       |
| 88 | NV008     | Vi Thị Linh Đan       | 16/11/1997 | Thanh Sơn, Như Xuân     | THCS&THPT Như Xuân  | 79.0         | 5.00           | 84.0                | Trúng tuyển       |
| 89 | NV042     | Vi Thị Linh           | 20/08/1993 | Thanh Quân, Như Xuân    | THCS&THPT Như Xuân  | 76.0         | 5.00           | 81.0                | Trúng tuyển       |
| 90 | NV080     | Đặng Thị Tươi         | 02/03/1992 | Thăng Long, Nông Cống   | THCS&THPT Như Xuân  | 70.0         |                | 70.0                |                   |

Danh sách này gồm 45 thí sinh dự kiến trúng tuyển



**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**

Đối tượng: Giáo viên Toán

| TT | SBD   | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|--------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 1  | TO112 | Lê Thị Thùy        | 20/03/1987            | Long Anh, TPTH          | THPT Mường Lát          | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 2  | TO021 | Bùi Thị Thu Dung   | 10/09/1994            | Hà Bắc, Hà Trung        | THPT Mường Lát          | 77.0      |              | 77.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 3  | TO016 | Lại Văn Chung      | 02/02/1988            | Tuy Lộc, Hậu Lộc        | THPT Mường Lát          | 74.0      |              | 74.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 4  | TO017 | Thao Văn Cựa       | 19/10/1995            | Pù Nhi, Mường Lát       | THPT Mường Lát          | 65.0      | 5.00         | 70.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 5  | TO139 | Vi Văn Tuyển       | 15/03/1987            | Luận Khê, Thường Xuân   | THPT Mường Lát          | 64.0      | 5.00         | 69.0           |                     | DT thiếu số       |
| 6  | TO076 | Ngô Minh Ngọc      | 17/07/1994            | Hoảng Giang, Hoảng Hóa  | THPT Mường Lát          | 64.5      |              | 64.5           |                     |                   |
| 7  | TO141 | Phạm Thị Tuyết     | 05/09/1990            | Điền Thượng, Bá Thước   | THPT Mường Lát          | 54.0      | 5.00         | 59.0           |                     | DT thiếu số       |
| 8  | TO136 | Nguyễn Văn Tuấn    | 21/06/1987            | Yên Lâm, Yên Định       | THPT Mường Lát          | 56.5      |              | 56.5           |                     |                   |
| 9  | TO020 | Phạm Thị Thùy Dung | 16/06/1993            | Hà Châu, Hà Trung       | THPT Mường Lát          | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 10 | TO074 | Lê Văn Ngộ         | 26/03/1989            | Tề Thắng, Nông Cống     | THPT Quan Hóa           | 72.0      |              | 72.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 11 | TO078 | Hoàng Thị Nhân     | 01/09/1991            | Tiến Lộc, Hậu Lộc       | THPT Quan Hóa           | 59.5      |              | 59.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 12 | TO035 | Hà Thị Thu Hà      | 04/02/1995            | Tuy Lộc, Hậu Lộc        | THPT Quan Hóa           | 56.5      |              | 56.5           |                     |                   |
| 13 | TO006 | Nguyễn Hiền Anh    | 03/11/1984            | Khuyến Nông, Triệu Sơn  | THPT Quan Sơn           | 74.5      | 5.00         | 79.5           | Trúng tuyển         | Con TB            |
| 14 | TO024 | Nguyễn Thị Giang   | 09/08/1983            | Thị trấn Nưa, Triệu Sơn | THPT Quan Sơn           | 69.0      | 5.00         | 74.0           | Trúng tuyển         | Chất độc HH       |
| 15 | TO088 | Mai Thị Phụng      | 25/09/1993            | Nga Thanh, Nga Sơn      | THPT Quan Sơn           | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 16 | TO082 | Hà Thị Nhung       | 26/06/1988            | Xuân Châu, Thọ Xuân     | THPT Quan Sơn           | 62.0      |              | 62.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 17 | TO037 | Nguyễn Thị Hậu     | 04/12/1991            | Thọ Lập, Thọ Xuân       | THPT Quan Sơn           | 50.0      |              | 50.0           |                     |                   |
| 18 | TO054 | Cầm Bá Kế          | 12/08/1988            | Thượng Ninh, Như Xuân   | THPT Quan Sơn           | 15.0      | 5.00         | 20.0           |                     | DT thiếu số       |
| 19 | TO091 | Lê Quân            | 25/10/1983            | Đông Cương, TPTH        | THCS&THPT Quan Sơn      | 92.5      |              | 92.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 20 | TO070 | Nguyễn Thị Trà My  | 02/09/1997            | Hợp Thắng, Triệu Sơn    | THCS&THPT Quan Sơn      | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 21 | TO067 | Đỗ Thị Mai         | 10/12/1987            | Thuần Lộc, Hậu Lộc      | THPT Bá Thước           | 88.0      |              | 88.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 22 | TO143 | Đỗ Việt Xuân       | 10/10/1990            | Xuân Hòa, Thọ Xuân      | THPT Bá Thước           | 51.0      |              | 51.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 23 | TO142 | Hoàng Thị Vân      | 01/10/1988            | Cầm Tân, Cầm Thủy       | THPT Hà Văn Mao         | 60.0      | 5.00         | 65.0           | Trúng tuyển         | Con TB            |



|    |       | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                   | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên     |
|----|-------|------------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-----------------------|
| 24 | TO052 | Nguyễn Mạnh Huy        | 28/08/1996            | Diễn Lư, Bá Thước          | THPT Hà Văn Mao         | 45.0      |              | 45.0           |                     |                       |
| 25 | TO102 | Nguyễn Văn Thanh       | 05/10/1995            | Diễn Trung, Bá Thước       | THPT Hà Văn Mao         | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 26 | TO127 | Hà Thị Hà Trang        | 15/09/1997            | Cổ Lũng, Bá Thước          | THCS&THPT Bá Thước      | 60.0      | 5.00         | 65.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số           |
| 27 | TO106 | Lê Thị Thu             | 09/12/1997            | Thiệu Quang, Thiệu Hóa     | THCS&THPT Bá Thước      | 54.0      |              | 54.0           |                     |                       |
| 28 | TO019 | Phùng Thị Dung         | 15/10/1986            | Phú Xuân, Thọ Xuân         | THPT Lang Chánh         | 77.0      |              | 77.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 29 | TO110 | Nguyễn Thị Thương      | 23/08/1989            | Phú Xuân, Thọ Xuân         | THPT Lang Chánh         | 91.0      |              | 91.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 30 | TO140 | Lê Thị Tuyết           | 20/02/1987            | Đông Tân, TP Thanh Hóa     | THPT Lang Chánh         | 91.0      |              | 91.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 31 | TO063 | Nguyễn Văn Long        | 26/03/1983            | Hoàng Phong, Hoàng Hóa     | THPT Lang Chánh         | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 32 | TO081 | Nguyễn Thị Nhung       | 18/03/1989            | Long Anh, TP Thanh Hóa     | THPT Lang Chánh         | 85.0      |              | 85.0           |                     |                       |
| 33 | TO077 | Lê Thị Bích Ngọc       | 26/01/1987            | Phùng Giáo, Ngọc Lặc       | THPT Lang Chánh         | 77.5      | 5.00         | 82.5           |                     | DT thiếu số           |
| 34 | TO031 | Nguyễn Thị Thủy Hà     | 20/12/1997            | Định Tân, Yên Định         | THPT Lang Chánh         | 70.0      |              | 70.0           |                     |                       |
| 35 | TO013 | Phùng Văn Ca           | 19/08/1985            | TT Vạn Hà, Thiệu Hóa       | THPT Lang Chánh         | 67.5      |              | 67.5           |                     |                       |
| 36 | TO044 | Lê Thị Thủy Hồng       | 15/06/1994            | Định Tăng, Yên Định        | THPT Lang Chánh         | 63.0      |              | 63.0           |                     |                       |
| 37 | TO135 | Vũ Văn Tuấn            | 22/11/1990            | Thạch Đồng, Thạch Thành    | THPT Lang Chánh         | 59.5      | 2.50         | 62.0           |                     | QN xuất ngũ           |
| 38 | TO118 | Lê Xuân Toàn           | 30/12/1985            | Xuân Thành, Thọ Xuân       | THPT Lang Chánh         | 60.0      |              | 60.0           |                     |                       |
| 39 | TO125 | Mai Thị Trang          | 15/03/1992            | Nga Yên, Nga Sơn           | THPT Lang Chánh         | 54.0      |              | 54.0           |                     |                       |
| 40 | TO042 | Hà Xuân Hiếu           | 09/04/1991            | Thiệu Viên, Thiệu Hóa      | THPT Lang Chánh         | 53.0      |              | 53.0           |                     |                       |
| 41 | TO053 | Mai Ngọc Huyền         | 20/10/1994            | Nga Yên, Nga Sơn           | THPT Lang Chánh         | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 42 | TO115 | Nguyễn Thị Phương Thủy | 18/08/1990            | Trung Chính, Nông Cống     | THPT Như Xuân           | 77.0      |              | 77.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 43 | TO055 | Lê Minh Khoan          | 01/05/1982            | Mình Khôi, Nông Cống       | THPT Như Xuân           | 60.0      | 2.50         | 62.5           |                     | Hợp đồng, QN xuất ngũ |
| 44 | TO113 | Nguyễn Thị Minh Thủy   | 04/08/1993            | Đông Vệ, TP Thanh Hóa      | THPT Như Xuân           | 50.0      |              | 50.0           |                     |                       |
| 45 | TO101 | Trần Thị Thanh         | 26/02/1997            | Quảng Phú, TP Thanh Hóa    | THPT Như Xuân           | 36.0      |              | 36.0           |                     |                       |
| 46 | TO094 | Chu Đình Sâm           | 05/03/1985            | Hoàng Ngọc, Hoàng Hóa      | THPT Như Xuân 2         | 81.5      |              | 81.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 47 | TO080 | Phạm Thị Nhẫn          | 13/03/1985            | Quảng Văn, Quảng Xương     | THPT Như Xuân 2         | 84.5      |              | 84.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 48 | TO109 | Lê Hoài Thương         | 06/09/1990            | Hoàng Đồng, Hoàng Hóa      | THPT Như Xuân 2         | 86.0      |              | 86.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 49 | TO084 | Lê Thị Kiều Oanh       | 09/12/1988            | Thị trấn Yên Cát, Như Xuân | THPT Như Xuân 2         | 73.0      | 5.00         | 78.0           |                     | DT thiếu số           |
| 50 | TO033 | Lê Thị Hà              | 30/09/1995            | Trường Thi, TP Thanh Hóa   | THPT Như Xuân 2         | 73.0      |              | 73.0           |                     |                       |
| 51 | TO036 | Nguyễn Thị Hà          | 28/06/1996            | Mai Lâm, Nghi Sơn          | THPT Như Xuân 2         | 65.0      |              | 65.0           |                     |                       |
| 52 | TO012 | Lê Thị Ngọc Anh        | 22/01/1997            | Quảng Tâm, TPTH            | THPT Như Xuân 2         | 54.0      |              | 54.0           |                     |                       |



|    | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán               | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-----------|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 53 | TO131     | Lê Văn Tú             | Thịệu Thịnh, Thịệu Hóa | THPT Như Xuân 2         | 52.0      |              | 52.0           |                     |                   |
| 54 | TO083     | Vi Thị Nội            | Xuân Khang, Như Thanh  | THPT Như Xuân 2         | 20.0      | 5.00         | 25.0           |                     | DT thiếu số       |
| 55 | TO079     | Bùi Thị Nhân          | Nho Quan, Ninh Bình    | THPT Như Xuân 2         | 18.0      | 5.00         | 23.0           |                     | DT thiếu số       |
| 56 | TO049     | Nguyễn Thị Hương      | Hà Lâm, Hà Trung       | THPT Cẩm Bá Thước       | 57.0      |              | 57.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 57 | TO116     | Nguyễn Thị Thu Thủy   | Khuyến Nông, Triệu Sơn | THPT Cẩm Bá Thước       | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 58 | TO058     | Lê Thị Mai Lê         | Bắc Lương, Thọ Xuân    | THPT Cẩm Bá Thước       | 59.0      |              | 59.0           |                     |                   |
| 59 | TO034     | Hoàng Thị Thu Hà      | Thịệu Đô, Thịệu Hóa    | THPT Cẩm Bá Thước       | 42.0      |              | 42.0           |                     |                   |
| 60 | TO060     | Phạm Mai Linh         | Thọ Lâm, Thọ Xuân      | THPT Cẩm Bá Thước       | 30.0      |              | 30.0           |                     |                   |
| 61 | TO069     | Trịnh Thị Minh        | Hạnh Phúc, Thọ Xuân    | THPT Thường Xuân 2      | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 62 | TO062     | Lưu Ngọc Tuấn Linh    | Thọ Lâm, Thọ Xuân      | THPT Thường Xuân 2      | 60.0      |              | 60.0           |                     |                   |
| 63 | TO098     | Đoàn Thị Tâm          | Dân Lực, Triệu Sơn     | THPT Ngọc Lặc           | 74.5      |              | 74.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 64 | TO128     | Hoàng Thị Thu Trang   | Xuân Lập, Thọ Xuân     | THPT Ngọc Lặc           | 60.0      |              | 60.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 65 | TO005     | Lê Thị Lan Anh        | Xuân Hòa, Thọ Xuân     | THPT Ngọc Lặc           | 72.0      |              | 72.0           |                     |                   |
| 66 | TO086     | Lưu Thị Phương        | Thọ Lâm, Thọ Xuân      | THPT Ngọc Lặc           | 72.0      |              | 72.0           |                     |                   |
| 67 | TO023     | Nguyễn Thị Thùy Dung  | Đông Lĩnh, TPTH        | THPT Ngọc Lặc           | 59.0      |              | 59.0           |                     |                   |
| 68 | TO056     | Lâm Trung Kiên        | Thọ Lập, Thọ Xuân      | THPT Ngọc Lặc           | 45.0      |              | 45.0           |                     |                   |
| 69 | TO132     | Lê Thị Tú             | Thọ Ngọc, Triệu Sơn    | THPT Ngọc Lặc           | 35.0      |              | 35.0           |                     |                   |
| 70 | TO028     | Nguyễn Thị Giang      | Định Tân, Yên Định     | THPT Ngọc Lặc           | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 71 | TO072     | Mai Thị Nga           | Nga Yên, Nga Sơn       | THPT Bắc Sơn            | 85.0      |              | 85.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 72 | TO048     | Ngô Quang Hưng        | Quảng Hòa, Quảng Xương | THPT Bắc Sơn            | 92.0      |              | 92.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 73 | TO066     | Trịnh Thị Mai         | Phú Yên, Thọ Xuân      | THPT Bắc Sơn            | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 74 | TO008     | Lê Hà Anh             | Yên Hùng, Yên Định     | THPT Bắc Sơn            | 88.5      |              | 88.5           |                     |                   |
| 75 | TO038     | Bùi Thị Hiền          | Thành Thọ, Thạch Thành | THPT Bắc Sơn            | 76.5      | 5.00         | 81.5           |                     | DT thiếu số       |
| 76 | TO026     | Trần Thị Giang        | Phú Yên, Thọ Xuân      | THPT Bắc Sơn            | 80.0      |              | 80.0           |                     |                   |
| 77 | TO025     | Lê Thị Giang          | Trường Xuân, Thọ xuân  | THPT Bắc Sơn            | 64.0      |              | 64.0           |                     |                   |
| 78 | TO085     | Phùng Thị Thu Phương  | Tân Châu, Thịệu Hóa    | THPT Bắc Sơn            | 61.0      |              | 61.0           |                     |                   |
| 79 | TO032     | Cao Thị Hà            | Thọ Nguyên, Thọ Xuân   | THPT Bắc Sơn            | 60.0      |              | 60.0           |                     |                   |
| 80 | TO040     | Lê Thị Hiệp           | Giao Thiện, Lang Chánh | THPT Bắc Sơn            | 51.5      | 5.00         | 56.5           |                     | DT thiếu số       |
| 81 | TO126     | Vũ Thị Trang          | Định Tiến, Yên Định    | THPT Bắc Sơn            | 53.0      |              | 53.0           |                     |                   |



|     |       | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|-----|-------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 82  | TO089 | Bùi Việt Quân         | 14/10/1997            | Hoàng Kim, Hoàng Hóa    | THPT Bắc Sơn            | 52.0      |              | 52.0           |                     |                   |
| 83  | TO059 | Phạm Thị Liên         | 11/05/1984            | Hà Châu, Hà Trung       | THPT Thạch Thành 3      | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 84  | TO137 | Lê Văn Tùng           | 03/02/1990            | Vĩnh Long, Vĩnh Lộc     | THPT Thạch Thành 3      | 89.5      |              | 89.5           |                     |                   |
| 85  | TO114 | Nguyễn Thị Thủy       | 15/11/1992            | Hà Toại, Hà Trung       | THPT Thạch Thành 3      | 72.0      |              | 72.0           |                     |                   |
| 86  | TO064 | Nguyễn Thành Long     | 27/03/1984            | Hà Dương, Hà Trung      | THPT Thạch Thành 3      | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 87  | TO108 | Lê Thị Thương         | 11/04/1993            | Định Tân, Yên Định      | THPT Thạch Thành 3      | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 88  | TO027 | Nguyễn Thị Giang      | 15/08/1987            | Xuân Tân, Thọ Xuân      | THPT Thạch Thành 4      | 84.0      | 5.00         | 89.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, CĐ HH   |
| 89  | TO015 | Phạm Thị Kim Chi      | 04/09/1996            | Cầm Vân, Cầm Thủy       | THPT Thạch Thành 4      | 88.0      |              | 88.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 90  | TO001 | Nguyễn Thúy An        | 02/08/1986            | Xuân Lộc, Hậu Lộc       | THPT Thạch Thành 4      | 69.0      | 5.00         | 74.0           |                     | Con TB            |
| 91  | TO007 | Đỗ Thị Lan Anh        | 20/11/1985            | Xuân Hòa, Thọ Xuân      | THPT Thạch Thành 4      | 67.5      |              | 67.5           |                     |                   |
| 92  | TO014 | Nguyễn Thị Cầm        | 06/10/1982            | Cầm Bình, Cầm Thủy      | THPT Thạch Thành 4      | 52.5      |              | 52.5           |                     |                   |
| 93  | TO011 | Lê Thị Mai Anh        | 21/07/1996            | Xuân Khánh, Thọ Xuân    | THPT Thạch Thành 4      | 50.5      |              | 50.5           |                     |                   |
| 94  | TO104 | Bùi Thị Thảo          | 22/02/1993            | Nga Văn, Nga Sơn        | THPT Thạch Thành 4      | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 95  | TO134 | Hoàng Anh Tuấn        | 31/03/1986            | Hoàng Lý, Hoàng Hóa     | THPT Thạch Thành 4      | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 96  | TO145 | Trần Thị Yến          | 19/08/1998            | Minh Sơn, Triệu Sơn     | THPT Cầm Thủy 1         | 80.5      |              | 80.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 97  | TO022 | Lưu Thùy Dung         | 14/05/1994            | Thạch Bình, Thạch Thành | THPT Cầm Thủy 1         | 75.0      |              | 75.0           |                     |                   |
| 98  | TO105 | Vũ Thị Thêu           | 02/09/1995            | Nga Thanh, Nga Sơn      | THPT Cầm Thủy 1         | 68.0      |              | 68.0           |                     |                   |
| 99  | TO093 | Mai Như Quỳnh         | 20/05/1997            | Trung Chính, Nông Cống  | THCS&THPT Nghi Sơn      | 75.5      |              | 75.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 100 | TO073 | Trần Đại Nghĩa        | 05/09/1992            | Mai Lâm, Tĩnh Gia       | THCS&THPT Nghi Sơn      | 68.0      |              | 68.0           |                     |                   |
| 101 | TO009 | Lê Thị Hồng Anh       | 22/09/1986            | Hải Lĩnh, Tĩnh Gia      | THCS&THPT Nghi Sơn      | 65.5      |              | 65.5           |                     |                   |
| 102 | TO124 | Nguyễn Thị Kiều Trang | 10/08/1990            | Định Hòa, Yên Định      | THCS&THPT Nghi Sơn      | 53.0      |              | 53.0           |                     |                   |
| 103 | TO123 | Nguyễn Thu Trang      | 15/10/1997            | Nghi Sơn, Tĩnh Gia      | THCS&THPT Nghi Sơn      | 50.0      |              | 50.0           |                     |                   |
| 104 | TO122 | Trần Thị Trang        | 20/06/1985            | Đông Tiến, Đông Sơn     | PT Nguyễn Mộng Tuân     | 91.0      |              | 91.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 105 | TO046 | Bùi Thị Huệ           | 03/02/1986            | Thiệu Viên, Thiệu Hóa   | PT Nguyễn Mộng Tuân     | 81.0      |              | 81.0           |                     |                   |
| 106 | TO138 | Vũ Thị Tươi           | 09/05/1992            | Ngọc Phụng, Thường Xuân | PT Nguyễn Mộng Tuân     | 72.5      |              | 72.5           |                     |                   |
| 107 | TO002 | Nguyễn Ngọc Đăng Anh  | 08/05/1997            | Phú Sơn, TP Thanh Hóa   | PT Nguyễn Mộng Tuân     | 64.5      |              | 64.5           |                     |                   |
| 108 | TO043 | Lê Thị Thu Hoài       | 26/10/1993            | Dân Lý, Triệu Sơn       | PT Nguyễn Mộng Tuân     | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 109 | TO120 | Nguyễn Thị Trang      | 06/04/1987            | Đông Quang, Đông Sơn    | THPT Nông Cống 2        | 75.0      |              | 75.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 110 | TO103 | Nguyễn Phương Thảo    | 14/08/1997            | Phú Nhuận, Như Thanh    | THPT Nông Cống 2        | 74.0      |              | 74.0           |                     |                   |



|     |       | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                 | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên     |
|-----|-------|---------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-----------------------|
| 111 | TO107 | Phạm Trọng Thuận    | 05/06/1986            | Quảng Thái, Quảng Xương  | THPT Quảng Xương 4      | 81.0      |              | 81.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 112 | TO029 | Nguyễn Thị Hà       | 07/08/1987            | Quảng Lưu, Quảng Xương   | THPT Quảng Xương 4      | 96.0      | 5.00         | 101.0          | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con TB      |
| 113 | TO099 | Lương Thị Thanh Tâm | 20/11/1984            | Tân Thọ, Nông Cống       | THPT Quảng Xương 4      | 70.0      |              | 70.0           |                     | Hợp đồng              |
| 114 | TO119 | Nguyễn Thị Trang    | 23/01/1997            | Quảng Đông, TP Thanh Hóa | THPT Quảng Xương 4      | 77.0      |              | 77.0           |                     |                       |
| 115 | TO010 | Trương Thị Anh      | 25/01/1996            | Đông Hương, TPTH         | THPT Quảng Xương 4      | 76.5      |              | 76.5           |                     |                       |
| 116 | TO061 | Hồ Thị Thùy Linh    | 05/07/1997            | Tề Nông, Nông Cống       | THPT Quảng Xương 4      | 70.0      |              | 70.0           |                     |                       |
| 117 | TO030 | Lê Thị Hà           | 04/04/1986            | Quảng Tâm, TP Thanh Hóa  | THPT Quảng Xương 4      | 69.0      |              | 69.0           |                     |                       |
| 118 | TO095 | Nguyễn Thị Sâm      | 14/03/1992            | Hoàng Phụ, Hoàng Hóa     | THPT Quảng Xương 4      | 59.5      |              | 59.5           |                     |                       |
| 119 | TO090 | Nguyễn Hữu Quân     | 28/11/1994            | Thăng Long, Nông Cống    | THPT Quảng Xương 4      | 59.0      |              | 59.0           |                     |                       |
| 120 | TO075 | Trịnh Thị Ngoan     | 09/07/1986            | Hoảng Thắng, Hoàng Hóa   | THPT Quảng Xương 4      | 20.0      |              | 20.0           |                     |                       |
| 121 | TO004 | Phạm Thị Vân Anh    | 19/06/1994            | Quảng Đức, Quảng Xương   | THPT Quảng Xương 4      | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 122 | TO050 | Thái Thị Thu Hương  | 07/02/1986            | Đông Hưng, TP Thanh Hóa  | THPT Quảng Xương 4      | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 123 | TO047 | Hoàng Thị Huệ       | 06/10/1987            | Hải Ninh, Tĩnh Gia       | THPT Tĩnh Gia 2         | 84.5      |              | 84.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 124 | TO065 | Lê Thị Mai          | 26/12/1997            | Triệu Dương, Tĩnh Gia    | THPT Tĩnh Gia 3         | 88.0      |              | 88.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 125 | TO144 | Nguyễn Thị Yên      | 04/08/1986            | Hải Yến, Tĩnh Gia        | THPT Tĩnh Gia 3         | 71.0      |              | 71.0           |                     |                       |
| 126 | TO097 | Đỗ Xuân Tài         | 05/08/1989            | Thị trấn Tĩnh Gia        | THPT Tĩnh Gia 3         | 65.0      |              | 65.0           |                     |                       |
| 127 | TO129 | Lê Thị Trinh        | 16/08/1995            | Hải Hòa, Nghi Sơn        | THPT Tĩnh Gia 3         | 52.0      |              | 52.0           |                     |                       |
| 128 | TO057 | Lê Thị Lan          | 27/09/1991            | Đông Phú, Đông Sơn       | THPT Tĩnh Gia 3         | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 129 | TO045 | Nguyễn Thị Huệ      | 02/01/1985            | Quảng Vọng, Quảng Xương  | THPT Tĩnh Gia 4         | 81.0      |              | 81.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 130 | TO018 | Nguyễn Thị Cúc      | 06/10/1992            | Các Sơn, Tĩnh Gia        | THPT Tĩnh Gia 4         | Vắng      |              |                |                     | Con bệnh binh         |
| 131 | TO121 | Nguyễn Thị Trang    | 10/02/1993            | Các Sơn, Tĩnh Gia        | THPT Tĩnh Gia 4         | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 132 | TO051 | Phạm Thị Hường      | 20/10/1983            | Nam Giang, Thọ Xuân      | THPT Hậu Lộc 1          | 76.0      |              | 76.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 133 | TO111 | Nguyễn Thị Thùy     | 24/08/1994            | Long Anh, TP Thanh Hóa   | THPT Hậu Lộc 1          | 50.0      |              | 50.0           |                     |                       |
| 134 | TO133 | Trần Văn Tự         | 10/07/1984            | Nga Liên, Nga Sơn        | THPT Hậu Lộc 1          | Vắng      |              |                |                     | Con TB                |
| 135 | TO100 | Lê Hồng Thái        | 31/12/1991            | Thọ Minh, Thọ Xuân       | THPT Thường Xuân 3      | 75.5      |              | 75.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng              |
| 136 | TO096 | Hoàng Thị Soan      | 16/01/1987            | Thiệu Phú, Thiệu Hóa     | THPT Thường Xuân 3      | 71.0      |              | 71.0           |                     |                       |
| 137 | TO130 | Nguyễn Việt Trung   | 11/11/1994            | Cành Nàng, Bá Thước      | THCS&THPT Quan Hóa      | 54.0      |              | 54.0           | Trúng tuyển         |                       |
| 138 | TO068 | Lê Thị Mến          | 10/01/1995            | Thọ Thắng, Thọ Xuân      | THCS&THPT Quan Hóa      | Vắng      |              |                |                     |                       |
| 139 | TO092 | Đặng Thị Quế        | 09/03/1985            | Xuân Du, Như Thanh       | THCS&THPT Như Thanh     | 86.5      | 5.00         | 91.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT thiểu số |

4



|     |       | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán              | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|-----|-------|--------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 140 | TO003 | Nguyễn Khắc Anh    | 18/11/1992            | Thăng Thọ, Nông Cống  | THCS&THPT Như Thanh     | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 141 | TO041 | Trịnh Thị Hiếu     | 10/05/1990            | Tân Ninh, Triệu Sơn   | THCS&THPT Như Xuân      | 65.5      | 5.00         | 70.5           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 142 | TO117 | Ngô Thị Tình       | 10/06/1987            | Đồng Thắng, Triệu Sơn | THCS&THPT Như Xuân      | 69.0      |              | 69.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 143 | TO071 | Lê Hồng Nam        | 20/08/1989            | Yên Lễ, Như Xuân      | THCS&THPT Như Xuân      | 50.0      | 5.00         | 55.0           |                     | DT thiếu số       |
| 144 | TO087 | Vũ Thị Minh Phương | 03/02/1994            | Tân Khang, Nông Cống  | THCS&THPT Như Xuân      | 51.0      |              | 51.0           |                     |                   |
| 145 | TO039 | Lê Thị Hiền        | 06/03/1988            | Hoàng Phú, Hoàng Hóa  | THCS&THPT Như Xuân      | 40.5      |              | 40.5           |                     |                   |

Danh sách này gồm 50 thí sinh dự kiến trúng tuyển



**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**

Vị trí việc làm: Vật lý

| TT | SBD   | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|--------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 1  | VL043 | Lê Thị Trang       | 15/07/1997            | TT Vạn Hà, Thiệu Hóa    | THPT Mường Lát          | 68.0      |              | 68.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 2  | VL002 | Lê Trung Anh       | 01/01/1995            | Phùng Minh, Ngọc Lặc    | THPT Mường Lát          | 58.5      |              | 58.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 3  | VL049 | Trịnh Thị Vân      | 18/03/1996            | Hà Bình, Hà Trung       | THPT Quan Hóa           | 35.0      |              | 35.0           |                     |                   |
| 4  | VL012 | Nguyễn Văn Hải     | 20/10/1993            | Quảng Tiến, Sầm Sơn     | THPT Quan Sơn           | 52.0      |              | 52.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 5  | VL015 | Phạm Thị Hương     | 02/10/1996            | Sơn Hà, Quan Sơn        | THCS&THPT Quan Sơn      | 69.0      | 5.00         | 74.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 6  | VL008 | Mai Thị Hồng Duyên | 21/09/1994            | Xuân Lập, Thọ Xuân      | THCS&THPT Quan Sơn      | 52.0      |              | 52.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 7  | VL026 | Trần Thị Nhân      | 24/11/1997            | Quảng Nham, Quảng Xương | THPT Bá Thước           | 52.0      |              | 52.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 8  | VL042 | Lê Sỹ Tôn          | 16/05/1996            | Phú Lộc, Hậu Lộc        | THPT Bá Thước           | 39.0      |              | 39.0           |                     |                   |
| 9  | VL034 | Trần Thị Thanh     | 23/02/1987            | Vĩnh Quang, Vĩnh Lộc    | THPT Hà Văn Mao         | 85.0      |              | 85.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 10 | VL018 | Tổng Viêt Lương    | 10/04/1987            | Thiệu Nguyên, Thiệu Hóa | THPT Lang Chánh         | 82.0      |              | 82.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 11 | VL036 | Trần Thị Thu       | 16/06/1984            | Xuân Minh, Thọ Xuân     | THPT Lang Chánh         | 76.0      | 5.00         | 81.0           | Trúng tuyển         | Con TB            |
| 12 | VL033 | Đỗ Hồng Sơn        | 09/04/1995            | Nga Bạch, Nga Sơn       | THPT Lang Chánh         | 74.0      |              | 74.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 13 | VL030 | Lê Thị Quý         | 20/05/1988            | Hoảng Anh, TP Thanh Hóa | THPT Lang Chánh         | 65.0      |              | 65.0           |                     |                   |
| 14 | VL017 | Hoàng Viêt Linh    | 07/06/1989            | Vạn Xuân, Thường Xuân   | THPT Lang Chánh         | 58.0      |              | 58.0           |                     |                   |
| 15 | VL027 | Nông Thị Oanh      | 13/11/1988            | Sơn Động, Bắc Giang     | THPT Lang Chánh         | 50.0      | 5.00         | 55.0           |                     | DT thiếu số       |
| 16 | VL001 | Hoàng Đức Anh      | 23/11/1996            | Quý Lộc, Yên Định       | THPT Lang Chánh         | 51.0      |              | 51.0           |                     |                   |
| 17 | VL039 | Lương Thị Thúy     | 05/09/1996            | Hoảng Thành, Hoảng Hóa  | THPT Lang Chánh         | 48.0      |              | 48.0           |                     |                   |
| 18 | VL009 | Lê Khắc Đình       | 25/09/1994            | Quảng Lợi, Quảng Xương  | THPT Như Xuân           | 54.0      |              | 54.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 19 | VL011 | Lê Thị Thanh Hà    | 20/10/1984            | Hà Yên, Hà Trung        | THPT Cẩm Bá Thước       | 68.5      | 5.00         | 73.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con TB  |
| 20 | VL038 | Đặng Thị Thương    | 03/11/1992            | Đông Hưng, Thái Bình    | THPT Như Thanh 2        | 58.0      |              | 58.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 21 | VL040 | Nguyễn Thị Thủy    | 17/11/1996            | Trường Xuân, Thọ Xuân   | THPT Như Thanh 2        | 37.0      |              | 37.0           |                     |                   |



|    |       | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                  | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|---------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
|    | VL047 | Hoàng Thị Tuyến     | 03/02/1987            | Vĩnh Thành, Vĩnh Lộc      | THPT Ngọc Lặc           | 95.0      |              | 95.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 23 | VL013 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 15/07/1988            | Thiệu Quang, Thiệu Hóa    | THPT Bắc Sơn            | 32.0      |              | 32.0           |                     |                   |
| 24 | VL037 | Nguyễn Thị Thương   | 10/07/1991            | Ba Đình, Nga Sơn          | THPT Thạch Thành 4      | 51.0      |              | 51.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 25 | VL020 | Cao Văn Mạnh        | 20/04/1986            | Cầm Tú, Cầm Thủy          | THPT Cầm Thủy 1         | 95.0      | 5.00         | 100.0          | Trúng tuyển         | DT thiểu số       |
| 26 | VL028 | Lê Thu Phương       | 01/06/1996            | Cầm Thạch, Cầm Thủy       | THPT Cầm Thủy 1         | 81.0      |              | 81.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 27 | VL003 | Trần Nguyệt Ánh     | 10/07/1997            | Tê Lợi, Nông Cống         | THPT Cầm Thủy 3         | 54.5      |              | 54.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 28 | VL006 | Phạm Văn Dũng       | 01/06/1984            | Định Bình, Yên Định       | THPT Yên Định 1         | 96.5      |              | 96.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 29 | VL024 | Lê Thị Ngân         | 20/07/1990            | Thiệu Giao, Thiệu Hóa     | THPT Yên Định 1         | 85.0      |              | 85.0           |                     |                   |
| 30 | VL048 | Nguyễn Thị Tuyết    | 21/01/1985            | Yên Phong, Yên Định       | THPT Yên Định 1         | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 31 | VL004 | Lê Thị Kim Dung     | 15/02/1983            | Thọ Diên, Thọ Xuân        | THCS&THPT Nghi Sơn      | 85.5      |              | 85.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 32 | VL045 | Trịnh Thị Thanh Tú  | 23/04/1996            | Hoàng Kim, Hoàng Hóa      | THCS&THPT Nghi Sơn      | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 33 | VL021 | Bùi Thị Minh        | 18/08/1985            | Thắng Thọ, Nông Cống      | THPT Nông Cống 3        | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 34 | VL016 | Lưu Thị Thùy Liên   | 03/08/1984            | Vạn Thiện, Nông Cống      | THPT Nông Cống 3        | 79.0      |              | 79.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 35 | VL022 | Bùi Đình Nam        | 24/04/1987            | Tê Tân, Nông Cống         | THPT Nông Cống 3        | 90.0      | 5.00         | 95.0           |                     | Con TB            |
| 36 | VL014 | Đỗ Viết Hoàng       | 20/06/1997            | Đồng Tiến, Triệu Sơn      | THPT Nông Cống 3        | 52.0      |              | 52.0           |                     |                   |
| 37 | VL046 | Nguyễn Đăng Tuấn    | 10/02/1996            | Thiệu Khánh, TP Thanh Hóa | THPT Nông Cống 3        | 52.0      |              | 52.0           |                     |                   |
| 38 | VL005 | Lê Thị Dung         | 20/09/1996            | Thanh Sơn, Tĩnh Gia       | THPT Nông Cống 3        | 43.5      |              | 43.5           |                     |                   |
| 39 | VL032 | Chung Thị Sen       | 30/03/1985            | Lộc Sơn, Hậu lộc          | THPT Quảng Xương 4      | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 40 | VL007 | Bùi Văn Dũng        | 15/08/1986            | TT Tân Phong, Quảng Xương | THPT Quảng Xương 4      | 78.5      | 5.00         | 83.5           | Trúng tuyển         | Nhiễm chất độc HH |
| 41 | VL025 | Phạm Thị Ngọc Nhân  | 16/06/1987            | Thiệu Khánh, TP Thanh Hóa | THPT Quảng Xương 4      | 81.0      |              | 81.0           |                     |                   |
| 42 | VL041 | Lê Khắc Toàn        | 25/02/1986            | Hoàng Đạt, Hoàng Hóa      | THPT Quảng Xương 4      | 80.0      |              | 80.0           |                     |                   |
| 43 | VL029 | Lê Thị Lan Phương   | 04/09/1983            | Hoàng Phúc, Hoàng Hóa     | THPT Quảng Xương 4      | 72.0      |              | 72.0           |                     |                   |
| 44 | VL044 | Lương Thị Trang     | 06/03/1994            | Trung Sơn, TP Sầm Sơn     | THPT Quảng Xương 4      | 36.0      |              | 36.0           |                     |                   |
| 45 | VL023 | Trần Văn Ngải       | 28/06/1983            | Quảng Tâm, TP Thanh Hóa   | THPT Đặng Thai Mai      | 98.0      |              | 98.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 46 | VL019 | Trịnh Thị Mai       | 01/08/1987            | Vĩnh Ninh, Vĩnh Lộc       | THPT Đặng Thai Mai      | 94.0      |              | 94.0           |                     |                   |
| 47 | VL010 | Phạm Văn Giang      | 04/06/1984            | Quảng Hải, Quảng Xương    | THPT Đặng Thai Mai      | 88.0      |              | 88.0           |                     |                   |

*Handwritten signature/initials*



|    |       | Họ và tên        | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 48 | VL031 | Nguyễn Hữu Quyền | 09/01/1987            | Thọ Xương, Thọ Xuân     | THPT Thường Xuân 3      | 71.0      |              | 71.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 49 | VL035 | Hồ Thị Thảo      | 02/09/1985            | TT Rừng Thông, Đông Sơn | THCS&THPT Như Xuân      | 95.0      |              | 95.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |

Danh sách này gồm 27 thí sinh dự kiến trúng tuyển



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**

Vị trí việc làm: Giáo viên Hóa học

| TT | SBD   | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                  | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|--------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 1  | HO008 | Trần Thị Dung      | 12/04/1983            | Vĩnh Hòa, Vĩnh Lộc        | THPT Quan Hóa           | 86.0      |              | 86.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 2  | HO044 | Trần Thị Phương    | 05/03/1994            | Thạch Bình, Thạch Thành   | THPT Quan Sơn           | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 3  | HO014 | Hà Thị Hà          | 23/05/1995            | Văn Nho, Bá Thước         | THPT Quan Sơn           | 52.5      | 5.00         | 57.5           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 4  | HO003 | Thiều Thị Ngọc Anh | 20/07/1997            | TT Hồi Xuân, Quan Hóa     | THPT Quan Sơn           | 57.0      |              | 57.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 5  | HO017 | Lê Thị Thanh Hằng  | 01/05/1993            | Hoảng Thái, Hoảng Hóa     | THPT Quan Sơn           | 40.0      |              | 40.0           |                     |                   |
| 6  | HO063 | Trương Xuân Toàn   | 01/04/1996            | Yên Lạc, Như Thanh        | THPT Quan Sơn           | 38.0      |              | 38.0           |                     |                   |
| 7  | HO015 | Đồng Thị Hà        | 06/09/1987            | Nga Thạch, Nga Sơn        | THPT Quan Sơn           | 36.5      |              | 36.5           |                     |                   |
| 8  | HO005 | Lê Doãn Chiến      | 20/11/1994            | Xuân Quang, Thọ Xuân      | THCS&THPT Quan Sơn      | 76.5      |              | 76.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 9  | HO030 | Hoàng Thị Lại      | 06/09/1994            | Tân Lập, Bá Thước         | THPT Bá Thước           | 81.0      | 5.00         | 86.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 10 | HO035 | Hà Công Minh       | 15/01/1994            | Lũng Niêm, Bá Thước       | THCS&THPT Bá Thước      | 80.5      | 5.00         | 85.5           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 11 | HO040 | Hà Thị Nhung       | 05/05/1994            | Ban Công, Bá Thước        | THCS&THPT Bá Thước      | Vắng      |              |                |                     | DT thiếu số       |
| 12 | HO007 | Quách Thị Din      | 06/03/1989            | Thượng Ninh, Như Xuân     | THPT Lang Chánh         | 80.5      | 5.00         | 85.5           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 13 | HO001 | Trần Thị Ngọc Anh  | 19/05/1996            | Xuân Hồng, Thọ Xuân       | THPT Lang Chánh         | 80.0      |              | 80.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 14 | HO068 | Lê Thị Tuyết       | 21/06/1993            | Ngọc Phụng, Thường Xuân   | THPT Lang Chánh         | 78.5      |              | 78.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 15 | HO065 | Ngô Thị Trang      | 17/03/1996            | Định Hòa, Yên Định        | THPT Lang Chánh         | 69.5      |              | 69.5           |                     |                   |
| 16 | HO066 | Dương Thu Trang    | 20/04/1997            | Thiệu Khánh, TP Thanh Hóa | THPT Lang Chánh         | 69.0      |              | 69.0           |                     |                   |
| 17 | HO011 | Nguyễn Trọng Đại   | 05/08/1985            | Đông Hưng, TP Thanh Hóa   | THPT Lang Chánh         | 64.0      |              | 64.0           |                     |                   |
| 18 | HO042 | Đỗ Thị Minh Phúc   | 26/12/1996            | Hải Bình, Tĩnh Gia        | THPT Lang Chánh         | 60.0      |              | 60.0           |                     |                   |
| 19 | HO031 | Nguyễn Thị Lan     | 23/06/1994            | Hà Đông, Hà Trung         | THPT Lang Chánh         | 58.0      |              | 58.0           |                     |                   |
| 20 | HO039 | Cầm Thị Nhung      | 27/02/1993            | Thượng Ninh, Như Xuân     | THPT Lang Chánh         | 50.5      | 5.00         | 55.5           |                     | DT thiếu số       |
| 21 | HO058 | Lê Văn Thuận       | 10/07/1985            | Xuân Phong, Thọ Xuân      | THPT Lang Chánh         | 52.0      |              | 52.0           |                     |                   |
| 22 | HO034 | Lê Công Minh       | 15/08/1986            | Thọ Cường, Triệu Sơn      | THPT Lang Chánh         | 51.5      |              | 51.5           |                     |                   |
| 23 | HO050 | Nguyễn Bá Thái San | 26/02/1997            | Hà Tiến, Hà Trung         | THPT Lang Chánh         | 35.0      |              | 35.0           |                     |                   |



| STT |       | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                  | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên      |
|-----|-------|---------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|------------------------|
| 24  | HO060 | Nguyễn Thị Thương   | 17/12/1996            | Hương Phú, Thừa Thiên Huế | THPT Lang Chánh         | 29.0      |              | 29.0           |                     |                        |
| 25  | HO036 | Mai Bá Nam          | 12/10/1996            | Nga Hải, Nga Sơn          | THPT Lang Chánh         | Vắng      |              |                |                     |                        |
| 26  | HO070 | Nguyễn Thị Tô Uyên  | 16/09/1994            | Xuân Lộc, Hậu Lộc         | THPT Lang Chánh         | Vắng      |              |                |                     |                        |
| 27  | HO002 | Lê Thị Anh          | 08/07/1990            | Bình Lương, Như Xuân      | THPT Như Xuân           | 50.5      | 5.00         | 55.5           | Trúng tuyển         | Cử tuyển, DT           |
| 28  | HO024 | Lê Thị Huệ          | 12/12/1994            | Khuyến Nông, Triệu Sơn    | THPT Như Xuân           | 80.0      |              | 80.0           | Trúng tuyển         |                        |
| 29  | HO019 | Đặng Thị Hiền       | 25/12/1997            | Yên Thọ, Như Thanh        | THPT Như Xuân           | 50.0      |              | 50.0           |                     |                        |
| 30  | HO059 | Hàn Thị Thương      | 14/07/1994            | TT Phong Sơn, Cẩm Thủy    | THPT Như Xuân           | 50.0      |              | 50.0           |                     |                        |
| 31  | HO025 | Lê Thị Minh Huệ     | 10/09/1986            | Xuân Hồng, Thọ Xuân       | THPT Thường Xuân 2      | 76.5      |              | 76.5           | Trúng tuyển         |                        |
| 32  | HO037 | Nguyễn Thanh Nga    | 12/05/1986            | Dân Lực, Triệu Sơn        | THPT Như Thanh          | 86.0      |              | 86.0           | Trúng tuyển         |                        |
| 33  | HO056 | Nguyễn Thị Thảo     | 23/08/1988            | Phú Nhuận, Như Thanh      | THPT Như Thanh          | 76.0      |              | 76.0           | Trúng tuyển         |                        |
| 34  | HO057 | Nguyễn Thị Thu      | 02/12/1997            | Hoàng Cát, Hoàng Hóa      | THPT Như Thanh          | 62.5      |              | 62.5           |                     |                        |
| 35  | HO067 | Lương Thị Tú        | 18/04/1995            | Hàm Rồng, TP Thanh Hóa    | THPT Như Thanh          | 54.5      |              | 54.5           |                     |                        |
| 36  | HO043 | Mai Thị Phương      | 09/11/1994            | Nga Thành, Nga Sơn        | THPT Như Thanh 2        | 89.0      |              | 89.0           | Trúng tuyển         |                        |
| 37  | HO010 | Lê Thị Dương        | 24/01/1989            | Cầm Tâm, Cẩm Thủy         | THPT Ngọc Lặc           | 72.5      | 5.00         | 77.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Cử tuyển, DT |
| 38  | HO061 | Ngô Thị Thủy        | 26/10/1988            | Xuân Khánh, Thọ Xuân      | THPT Ngọc Lặc           | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         |                        |
| 39  | HO047 | Lê Thị Quyên        | 13/03/1985            | Hoàng Kim, Hoàng Hóa      | THPT Ngọc Lặc           | 83.0      |              | 83.0           |                     |                        |
| 40  | HO041 | Dương Thị Kiều Oanh | 29/01/1995            | Thiệu Dương, Thiệu Hóa    | THPT Ngọc Lặc           | 63.0      |              | 63.0           |                     |                        |
| 41  | HO033 | Vũ Hải Linh         | 19/08/1994            | Tân Khang, Nông Cống      | THPT Ngọc Lặc           | 57.5      |              | 57.5           |                     |                        |
| 42  | HO016 | Lê Thị Hằng         | 19/02/1998            | Thiệu Tân, Thiệu Hóa      | THPT Lê Lai             | 75.0      |              | 75.0           | Trúng tuyển         |                        |
| 43  | HO071 | Lê Đình Vân         | 05/10/1987            | Thọ Ngọc, Triệu Sơn       | THPT Lê Lai             | 72.5      |              | 72.5           |                     |                        |
| 44  | HO049 | Lường Thị Quỳnh     | 14/09/1994            | Minh Nghĩa, Nông Cống     | THPT Lê Lai             | 54.0      |              | 54.0           |                     |                        |
| 45  | HO045 | Nguyễn Thị Phương   | 16/02/1997            | Hoàng Tân, Hoàng Hóa      | THPT Bắc Sơn            | 69.5      |              | 69.5           | Trúng tuyển         |                        |
| 46  | HO006 | Lê Ngọc Diễm        | 06/03/1995            | Phú Yên, Thọ Xuân         | THPT Bắc Sơn            | 46.0      |              | 46.0           |                     |                        |
| 47  | HO013 | Lê Thị Hà           | 20/08/1989            | Hoàng Trường, Hoàng Hóa   | THPT Thạch Thành 2      | 88.0      |              | 88.0           | Trúng tuyển         |                        |
| 48  | HO046 | Nguyễn Thị Phương   | 05/10/1995            | Long Anh, TP Thanh Hóa    | THPT Hà Trung           | 72.5      |              | 72.5           | Trúng tuyển         |                        |
| 49  | HO009 | Phạm Ánh Dương      | 24/09/1995            | Nga Thủy, Nga Sơn         | THPT Hà Trung           | 55.5      |              | 55.5           |                     |                        |
| 50  | HO012 | Hà Thị Giang        | 16/11/1987            | Xuân Lai, Thọ Xuân        | THCS&THPT Thống Nhất    | 83.0      |              | 83.0           | Trúng tuyển         |                        |
| 51  | HO027 | Lê Thị Hường        | 15/02/1997            | Định Công, Yên Định       | THCS&THPT Thống Nhất    | 67.0      |              | 67.0           |                     |                        |



|    |       | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|-------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 52 | HO029 | Trương Phát Khuê  | 15/09/1990            | Hoàng Phụ, Hoàng Hóa    | THCS&THPT Nghi Sơn      | 69.0      |              | 69.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 53 | HO038 | Nguyễn Hồng Nhung | 17/10/1996            | Hoàng Quý, Hoàng Hóa    | THCS&THPT Nghi Sơn      | 68.0      |              | 68.0           |                     |                   |
| 54 | HO052 | Hà Thị Nhật Tân   | 17/02/1994            | Tuy Lộc, Hậu Lộc        | THPT Nông Công 3        | 85.0      |              | 85.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 55 | HO022 | Nguyễn Thị Hoa    | 01/12/1997            | Ngư Lộc, Hậu Lộc        | THPT Nông Công 3        | 65.0      |              | 65.0           |                     |                   |
| 56 | HO064 | Đậu Thị Trang     | 05/12/1988            | Trường Giang, Nông Cống | THPT Nông Công 4        | 85.5      |              | 85.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 57 | HO028 | Khúc Dương Huy    | 04/11/1996            | Vĩnh Thành, Vĩnh Lộc    | THPT Nông Công 4        | 84.5      |              | 84.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 58 | HO026 | Lê Đình Hùng      | 24/10/1993            | Thọ Nguyên, Thọ Xuân    | THPT Nông Công 4        | 56.0      |              | 56.0           |                     |                   |
| 59 | HO021 | Lê Thị Hoa        | 21/09/1994            | Long Anh, TP Thanh Hóa  | THPT Nông Công 4        | 34.0      |              | 34.0           |                     |                   |
| 60 | HO023 | Lê Thị Hồng       | 20/03/1996            | Tây Hồ, Thọ Xuân        | THPT Chu Văn An         | 86.0      |              | 86.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 61 | HO072 | Vũ Lê Vân         | 16/11/1991            | Đông Yên, Đông Sơn      | THPT Chu Văn An         | 60.0      |              | 60.0           |                     |                   |
| 62 | HO020 | Lê Thị Hiền       | 14/08/1995            | Hoàng Thịnh, Hoàng Hóa  | THPT Chu Văn An         | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 63 | HO069 | Đinh Thị Tuyết    | 19/06/1987            | Hoàng Trinh, Hoàng Hóa  | THPT Quảng Xương 4      | 80.0      | 5.00         | 85.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con TB  |
| 64 | HO048 | Lê Thị Như Quỳnh  | 19/12/1995            | Quảng Bình, Quảng Xương | THPT Quảng Xương 4      | 69.0      |              | 69.0           |                     |                   |
| 65 | HO018 | Nguyễn Anh Hào    | 20/01/1987            | Vạn Thiện, Nông Cống    | THPT Tĩnh Gia 2         | 66.5      | 5.00         | 71.5           | Trúng tuyển         | Con TB            |
| 66 | HO062 | Trần Thị Thủy     | 03/04/1986            | Tề Lợi, Nông Cống       | THPT Tĩnh Gia 2         | 70.5      |              | 70.5           |                     |                   |
| 67 | HO051 | Lê Thị Tâm        | 16/11/1987            | Trúc Lâm, Tĩnh Gia      | THPT Tĩnh Gia 3         | 84.0      |              | 84.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 68 | HO053 | Lê Hoàng Thanh    | 09/01/1996            | Hoàng Phong, Hoàng Hóa  | THPT Tĩnh Gia 3         | 73.5      |              | 73.5           |                     |                   |
| 69 | HO004 | Lê Thị Chi        | 10/03/1995            | Hải Lĩnh, Tĩnh Gia      | THPT Tĩnh Gia 3         | 41.5      |              | 41.5           |                     |                   |
| 70 | HO054 | Lê Thị Thảo       | 18/04/1985            | Xuân Dương, Thường Xuân | THPT Thường Xuân 3      | 83.5      |              | 83.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 71 | HO055 | Trần Thị Thảo     | 04/07/1994            | Định Tăng, Yên Định     | THCS&THPT Như Xuân      | 67.5      |              | 67.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 72 | HO032 | Vũ Thị Khánh Linh | 22/03/1995            | Quảng Tâm, TP Thanh Hóa | THCS&THPT Như Xuân      | 63.5      |              | 63.5           |                     |                   |

Danh sách này gồm 33 thí sinh dự kiến trúng tuyển



UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ GD&ĐT THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA

Vị trí việc làm: Giáo viên Sinh học

| TT | SBD   | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|--------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 1  | SI015 | Hoàng Thị Thanh Hà | 04/07/1987            | TT Hồi Xuân, Quan Hóa   | THPT Quan Hóa           | 92.5      | 5.00         | 97.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT      |
| 2  | SI016 | Bùi Thị Hằng       | 24/08/1985            | Cầm Bình, Cầm Thủy      | THPT Quan Hóa           | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 3  | SI001 | Lương Đức Anh      | 03/08/1988            | Phú Lệ, Quan Hóa        | THPT Quan Hóa           | 88.5      | 5.00         | 93.5           |                     | Dân tộc           |
| 4  | SI030 | Lữ Hồng Nhung      | 12/12/1994            | Trung Sơn, Quan Hóa     | THPT Quan Hóa           | 80.0      | 5.00         | 85.0           |                     | DT thiếu số       |
| 5  | SI020 | Phạm Thị Huệ       | 10/10/1989            | Sơn Thủy, Quan Sơn      | THPT Quan Hóa           | 74.0      | 5.00         | 79.0           |                     | DT thiếu số       |
| 6  | SI009 | Trần Thị Duyên     | 08/08/1987            | Hợp Lý, Triệu Sơn       | THPT Quan Hóa           | 74.0      |              | 74.0           |                     |                   |
| 7  | SI046 | Vì Thị Thúy        | 17/07/1988            | Nam Tiến, Quan Hóa      | THPT Quan Hóa           | 67.0      | 5.00         | 72.0           |                     | DT thiếu số       |
| 8  | SI007 | Lê Thị Chiêu       | 08/06/1985            | Thiệu Long, Thiệu Hóa   | THPT Quan Hóa           | 64.0      |              | 64.0           |                     |                   |
| 9  | SI051 | Ngô Thị Trang      | 10/12/1989            | Tề Thắng, Nông Cống     | THPT Quan Hóa           | 59.5      |              | 59.5           |                     |                   |
| 10 | SI036 | Trương Thị Phương  | 11/11/1994            | Thành Minh, Thạch Thành | THPT Quan Hóa           | 50.0      | 5.00         | 55.0           |                     | DT thiếu số       |
| 11 | SI043 | Hàn Thị Thơm       | 03/09/1983            | Thiệu Quang, Thiệu Hóa  | THPT Bá Thước           | 83.5      |              | 83.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 12 | SI008 | Trương Minh Chủ    | 10/01/1985            | Thành Tiến, Thạch Thành | THPT Lang Chánh         | 89.5      |              | 89.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 13 | SI014 | Vì Thị Hà          | 10/10/1994            | Tân Phú, Lang Chánh     | THPT Lang Chánh         | 69.0      | 5.00         | 74.0           |                     | DT thiếu số       |
| 14 | SI012 | Lê Thị Gấm         | 20/02/1987            | Đồng Lợi, Triệu Sơn     | THPT Lang Chánh         | 50.0      |              | 50.0           |                     |                   |
| 15 | SI035 | Hà Kiều Oanh       | 24/10/1994            | Cầm Phú, Cầm Thủy       | THPT Lang Chánh         | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 16 | SI052 | Nguyễn Thị Tuyết   | 17/06/1988            | Yên Cát, Như Xuân       | THPT Như Xuân           | 41.0      |              | 41.0           |                     | Hợp đồng          |
| 17 | SI024 | Lê Thị Ngọc Mai    | 19/05/1997            | Hoàng Trạch, Hoàng Hóa  | THPT Như Xuân           | 56.5      |              | 56.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 18 | SI026 | Lê Thị Nguyệt      | 02/09/1990            | Triệu Dương, Tĩnh Gia   | THPT Như Xuân 2         | 82.0      |              | 82.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 19 | SI027 | Vũ Thị Nguyệt      | 08/09/1997            | Vạn Thắng, Nông Cống    | THPT Như Xuân 2         | 50.5      |              | 50.5           |                     |                   |
| 20 | SI017 | Hoàng Thị Hồng     | 02/07/1988            | Đồng Tiến, Triệu Sơn    | THCS&THPT Nghi Sơn      | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 21 | SI011 | Mai Thị Đức        | 06/08/1984            | Quảng Xương, Thanh Hóa  | THCS&THPT Nghi Sơn      | 63.5      |              | 63.5           |                     |                   |
| 22 | SI013 | Bùi Ngọc Giáp      | 01/12/1994            | Hoàng Thắng, Hoàng Hóa  | THCS&THPT Nghi Sơn      | 25.0      |              | 25.0           |                     |                   |
| 23 | SI002 | Phạm Thị Bình      | 14/10/1989            | Thạch Long, Thạch Thành | THPT Lê Lợi             | 68.5      |              | 68.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |



|    |       | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                 | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|----------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 24 | SI003 | Đinh Thị Bình        | 04/07/1986            | Quảng Đức, Quảng Xương   | THPT Lê Lợi             | 94.5      |              | 94.5           |                     |                   |
| 25 | SI028 | Lê Thị Thanh Nhân    | 18/10/1993            | Bắc Lương, Thọ Xuân      | THPT Lê Lợi             | 53.5      |              | 53.5           |                     |                   |
| 26 | SI034 | Trần Thị Nương       | 10/10/1988            | Thiệu Trung, Thiệu Hóa   | THPT Lam Kinh           | 71.5      |              | 71.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 27 | SI038 | Nguyễn Thị Phương    | 12/10/1997            | Thọ Trường, Thọ Xuân     | THPT Lam Kinh           | 90.5      |              | 90.5           |                     |                   |
| 28 | SI039 | Bùi Thị Phượng       | 05/08/1987            | Kiên Thọ, Ngọc Lặc       | THPT Lam Kinh           | 80.5      | 5.00         | 85.5           |                     | DT thiếu số       |
| 29 | SI044 | Nguyễn Văn Thuận     | 16/08/1985            | Quảng Phúc, Quảng Xương  | THPT Lam Kinh           | 75.5      |              | 75.5           |                     |                   |
| 30 | SI047 | Hoàng Thị Thùy       | 20/10/1984            | Đồng Tiến, Triệu Sơn     | THPT Lam Kinh           | 50.0      | 5.00         | 55.0           |                     | Con TB            |
| 31 | SI040 | Nguyễn Văn Thắng     | 10/01/1996            | Cẩm Tân, Cẩm Thủy        | THPT Thọ Xuân 5         | 80.5      |              | 80.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 32 | SI037 | Mai Thị Phương       | 04/06/1995            | Xuân Lập, Thọ Xuân       | THPT Thọ Xuân 5         | 71.5      |              | 71.5           |                     |                   |
| 33 | SI048 | Nguyễn Thị Thùy      | 16/01/1986            | Yên Lâm, Yên Định        | THPT Thọ Xuân 5         | 56.5      | 5.00         | 61.5           |                     | DT thiếu số       |
| 34 | SI053 | Triệu Thị Xuân       | 03/03/1993            | Cẩm Sơn, Cẩm Thủy        | THPT Thọ Xuân 5         | 33.0      |              | 33.0           |                     |                   |
| 35 | SI049 | Lê Thị Trang         | 04/03/1988            | Tế Thắng, Nông Cống      | THPT Đông Sơn 2         | 67.5      |              | 67.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 36 | SI031 | Nguyễn Hồng Nhung    | 25/10/1993            | Nga Thạch, Nga Sơn       | THPT Đông Sơn 2         | 72.0      |              | 72.0           |                     |                   |
| 37 | SI021 | Lê Trọng Khánh       | 14/10/1985            | Vạn Thắng, Nông Cống     | THPT Nông Cống 1        | 95.0      |              | 95.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 38 | SI050 | Hoàng Thị Trang      | 24/09/1995            | Thanh Hóa                | THPT Nông Cống 1        | 77.5      |              | 77.5           |                     |                   |
| 39 | SI032 | Quách Thị Hà Nhung   | 20/12/1994            | Phú Nhuận, Như Thanh     | THPT Nông Cống 1        | Vắng      |              |                |                     | DT thiếu số       |
| 40 | SI006 | Mai Thị Chi          | 05/05/1988            | Quảng Chính, Quảng Xương | THPT Quảng Xương 2      | 83.5      |              | 83.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 41 | SI029 | Lê Thị Nhung         | 30/07/1996            | Quảng Trung, Quảng Xương | THPT Quảng Xương 2      | 70.5      |              | 70.5           |                     |                   |
| 42 | SI018 | Lê Thị Hồng          | 06/04/1985            | Quảng Ngọc, Quảng Xương  | THPT Quảng Xương 4      | 94.5      |              | 94.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 43 | SI033 | Đoàn Thị Nường       | 12/08/1989            | Hà Long, Hà Trung        | THPT Quảng Xương 4      | 44.0      |              | 44.0           |                     |                   |
| 44 | SI005 | Hồ Thị Chi           | 27/04/1987            | Hải Nhân, Tĩnh Gia       | THPT Tĩnh Gia 1         | 89.0      | 5.00         | 94.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, con TB  |
| 45 | SI019 | Ngô Thị Hồng         | 20/04/1990            | Các Sơn, Tĩnh Gia        | THPT Tĩnh Gia 1         | 81.5      |              | 81.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 46 | SI041 | Trần Thị Thơ         | 03/06/1987            | Quảng Hợp, Quảng Xương   | THPT Tĩnh Gia 1         | 74.5      |              | 74.5           |                     |                   |
| 47 | SI022 | Lê Thị Lâm           | 08/08/1997            | Xuân Lâm, Tĩnh Gia       | THPT Tĩnh Gia 1         | 71.5      |              | 71.5           |                     |                   |
| 48 | SI042 | Nguyễn Thị Thoa      | 02/09/1997            | TT Nưa, Triệu Sơn        | THPT Tĩnh Gia 1         | 63.0      |              | 63.0           |                     |                   |
| 49 | SI004 | Lương Thúy Bình      | 26/03/1993            | Hoảng Phú, Hoảng Hóa     | THPT Tĩnh Gia 1         | 50.5      | 5.00         | 55.5           |                     | Con TB            |
| 50 | SI045 | Nguyễn Thị Diệu Thúy | 13/11/1993            | Ngọc Lĩnh, TX Nghi Sơn   | THPT Tĩnh Gia 1         | 55.0      |              | 55.0           |                     |                   |
| 51 | SI025 | Nguyễn Thị Nguyệt    | 03/10/1989            | Thanh Kỳ, Như Thanh      | THPT Sầm Sơn            | 91.0      |              | 91.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |



|    | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán               | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|--------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 52 | SI010 Lê Đình Đoàn | 30/11/1989            | Hoàng Đạo, Hoàng Hóa   | THPT Sầm Sơn            | 50.0      |              | 50.0           |                     |                   |
| 53 | SI023 Hoàng Thị Lệ | 24/10/1996            | Hoàng Thắng, Hoàng Hóa | THPT Sầm Sơn            | 41.5      |              | 41.5           |                     |                   |

Danh sách này gồm 17 thí sinh dự kiến trúng tuyển



UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ GD&ĐT THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**  
Vị trí việc làm: Giáo viên Lịch sử

| TT | SBD   | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                  | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên   |
|----|-------|----------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|---------------------|
| 1  | LS009 | Lê Thị Hòa           | 15/01/1984            | Xuân Lộc, Triệu Sơn       | THPT Mường Lát          | 71.0      | 5.00         | 76.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, con TB    |
| 2  | LS014 | Hà Thị Khuyển        | 17/01/1990            | Tam Lư, Quan Sơn          | THPT Mường Lát          | 63.0      | 5.00         | 68.0           |                     | DT thiếu số         |
| 3  | LS022 | Đinh Thị Quyên       | 08/08/1985            | Hoảng Quý, Hoảng Hóa      | THPT Mường Lát          | 61.5      | 5.00         | 66.5           |                     | Con TB              |
| 4  | LS011 | Hà Thị Hồng          | 03/04/1994            | Giao An, Lang Chánh       | THPT Mường Lát          | 51.0      | 5.00         | 56.0           |                     | DT thiếu số         |
| 5  | LS005 | Phạm Thị Hằng        | 28/03/1982            | Vĩnh Phúc, Vĩnh Lộc       | THPT Quan Sơn           | 66.0      |              | 66.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng            |
| 6  | LS012 | Tổng Thị Hương       | 11/03/1986            | Thiệu Hòa, Thiệu Hóa      | THPT Bá Thước           | 90.0      | 5.00         | 95.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, con TB    |
| 7  | LS015 | Trương Thị Lý        | 06/08/1988            | Cầm Tâm, Cầm Thủy         | THPT Bá Thước           | 81.0      | 5.00         | 86.0           |                     | Con TB, DT          |
| 8  | LS001 | Lê Văn Anh           | 14/07/1987            | Hoảng Phú, Hoảng Hóa      | THPT Bá Thước           | 50.0      |              | 50.0           |                     |                     |
| 9  | LS026 | Quách Văn Toàn       | 12/04/1984            | Kiên Thọ, Ngọc Lặc        | THPT Bá Thước           | 41.0      | 5.00         | 46.0           |                     | DT thiếu số         |
| 10 | LS018 | Trần Bích Ngọc       | 10/04/1986            | Cầm Thạch, Cầm Thủy       | THPT Bá Thước           | Vắng      |              |                |                     | DT thiếu số         |
| 11 | LS020 | Vì Thị Nhiên         | 17/06/1991            | TT Lang Chánh, Lang Chánh | THPT Bá Thước           | Vắng      |              |                |                     | DT thiếu số         |
| 12 | LS003 | Đỗ Thị Dung          | 16/06/1984            | Tê Lợi, Nông Công         | THPT Như Xuân           | 81.0      | 5.00         | 86.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, con TB    |
| 13 | LS016 | Trần Thị Mai         | 25/01/1987            | Hoảng Lý, TP Thanh Hóa    | THPT Như Xuân           | 85.5      |              | 85.5           |                     |                     |
| 14 | LS013 | Nguyễn Thị Mai Hương | 14/04/1997            | TT Phong Sơn, Cầm Thủy    | THPT Như Xuân           | 61.0      |              | 61.0           |                     |                     |
| 15 | LS024 | Cao Thị Thắm         | 19/05/1996            | Thọ Lập, Thọ Xuân         | THPT Như Xuân           | 53.0      |              | 53.0           |                     |                     |
| 16 | LS008 | Lê Thị Hiếu          | 10/09/1989            | Xuân Bình, Như Xuân       | THPT Như Xuân           | 0.0       | 5.00         | 5.0            |                     | DT thiếu số, Con TB |
| 17 | LS023 | Lang Thị Sức         | 04/11/1996            | Thanh Sơn, Như Xuân       | THPT Như Xuân           | Vắng      |              |                |                     | DT thiếu số         |
| 18 | LS010 | Ngô Thị Hồng         | 09/12/1982            | Thạch Định, Thạch Thành   | THPT Nông Công 3        | 71.0      |              | 71.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng            |
| 19 | LS004 | Lê Thị Hằng          | 02/09/1995            | Hải Lĩnh, Tĩnh Gia        | THPT Nông Công 3        | 50.0      |              | 50.0           |                     |                     |
| 20 | LS027 | Nguyễn Thị Hồng Vân  | 23/02/1982            | Thiệu Chính, Thiệu Hóa    | THPT Quảng Xương 2      | 84.0      |              | 84.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng            |
| 21 | LS021 | Đàm Mai Phương       | 12/03/1986            | Quảng Thắng, TP Thanh Hóa | THPT Quảng Xương 4      | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng            |
| 22 | LS007 | Nguyễn Thị Hằng      | 02/01/1982            | Thanh Sơn, Tĩnh Gia       | THPT Tĩnh Gia 1         | 59.0      |              | 59.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng            |
| 23 | LS025 | Nguyễn Thị Thảo      | 30/04/1980            | Tân Trường, Tĩnh Gia      | THPT Tĩnh Gia 3         | 68.0      | 5.00         | 73.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, con TB    |
| 24 | LS028 | Ngô Quang Vinh       | 10/07/1995            | Đông Vệ, TP Thanh Hóa     | THPT Tĩnh Gia 3         | 80.0      |              | 80.0           |                     |                     |
| 25 | LS002 | Nguyễn Thị Dung      | 20/07/1989            | Hùng Sơn, Tĩnh Gia        | THPT Tĩnh Gia 3         | 74.0      |              | 74.0           |                     |                     |



|    |       | Họ và tên       | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán               | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|-----------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 26 | S017  | Quách Thị Ngọc  | 29/05/1989            | Phượng Nghi, Như Thanh | THCS&THPT Như Thanh     | 79.0      | 5.00         | 84.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT      |
| 27 | LS006 | Hà Thị Hằng     | 02/10/1988            | Xuân Lai, Thọ Xuân     | THCS&THPT Như Thanh     | 71.0      |              | 71.0           |                     |                   |
| 28 | LS019 | Nguyễn Thị Nhật | 07/02/1996            | Trường Sơn, Nông Cống  | THCS&THPT Như Thanh     | Vắng      |              |                |                     |                   |

Danh sách này gồm 10 thí sinh dự kiến trúng tuyển



UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ GD&ĐT THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**

Trí việc làm: Giáo viên Tiếng Anh

| TT | SBD   | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                 | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên    |
|----|-------|-------------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|----------------------|
| 1  | TA036 | Bùi Thị Thu Thủy        | 19/03/1991            | Nho Quan, Ninh Bình      | THPT Quan Sơn           | 78.0      | 5.00         | 83.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con BB, DT |
| 2  | TA013 | Đặng Thủy Hằng          | 26/10/1996            | Thiệu Vận, Thiệu Hóa     | THPT Quan Sơn           | 81.5      |              | 81.5           | Trúng tuyển         |                      |
| 3  | TA027 | Lương Thị Nhị           | 20/01/1994            | Kỳ Tân, Bá Thước         | THPT Quan Sơn           | 51.0      | 5.00         | 56.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 4  | TA034 | Trịnh Thu Thanh         | 09/07/1997            | Trường Xuân, Thọ Xuân    | THPT Quan Sơn           | 54.0      |              | 54.0           |                     |                      |
| 5  | TA004 | Bùi Thị Chừu            | 29/04/1993            | Lạc Sơn, Hòa Bình        | THPT Quan Sơn           | 30.0      | 5.00         | 35.0           |                     | DT thiếu số          |
| 6  | TA041 | Nguyễn Thị Xuân         | 25/10/1996            | Hoàng Thái, Hoàng Hóa    | THPT Lang Chánh         | 80.5      |              | 80.5           | Trúng tuyển         |                      |
| 7  | TA005 | Trịnh Văn Cương         | 18/02/1994            | Quảng Thành, TPTH        | THPT Lang Chánh         | 55.0      |              | 55.0           | Trúng tuyển         |                      |
| 8  | TA009 | Lê Nhật Đức             | 25/01/1997            | Nam Giang, Thọ Xuân      | THPT Lang Chánh         | 37.0      |              | 37.0           |                     |                      |
| 9  | TA031 | Hoàng Trọng Sơn         | 09/05/1986            | Hợp Tiến, Triệu Sơn      | THPT Ngọc Lặc           | 58.5      |              | 58.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 10 | TA020 | Vũ Tuyên Hoàng          | 07/10/1994            | Thuận Minh, Thọ Xuân     | THPT Ngọc Lặc           | 60.0      | 5.00         | 65.0           | Trúng tuyển         |                      |
| 11 | TA002 | Nguyễn Lan Anh          | 19/12/1983            | Thọ Ngọc, Triệu Sơn      | THPT Lê Lai             | 62.0      |              | 62.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 12 | TA042 | Phạm Thị Yên            | 08/07/1997            | Ngọc Liên, Ngọc Lặc      | THPT Bắc Sơn            | 37.5      | 5.00         | 42.5           |                     | DT thiếu số          |
| 13 | TA022 | Lương Thị Huệ           | 17/03/1997            | Quảng Ngọc, Quảng Xương  | THPT Thạch Thành 2      | 60.0      |              | 60.0           | Trúng tuyển         |                      |
| 14 | TA030 | Hoàng Thị Quỳnh         | 25/08/1994            | Hàm Yên, Tuyên Quang     | THPT Thạch Thành 3      | 77.5      | 5.00         | 82.5           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 15 | TA033 | Trịnh Minh Tâm          | 23/09/1996            | Nghĩa Hưng, Nam Định     | THPT Thạch Thành 3      | 75.0      |              | 75.0           | Trúng tuyển         |                      |
| 16 | TA007 | Lê Thị Dung             | 12/04/1995            | Nga Thủy, Nga Sơn        | THPT Thạch Thành 3      | 69.0      |              | 69.0           |                     |                      |
| 17 | TA023 | Nguyễn Thị Thương Huyền | 08/03/1991            | Thành Mỹ, Thạch Thành    | THPT Thạch Thành 4      | 57.5      | 5.00         | 62.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT         |
| 18 | TA019 | Phạm Thúy Hoa           | 22/09/1987            | Vĩnh Thành, Vĩnh Lộc     | THPT Cẩm Thủy 1         | 62.0      |              | 62.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 19 | TA001 | Ngô Thị Vân Anh         | 18/09/1991            | Trường Thi, TP Thanh Hóa | THPT Cẩm Thủy 2         | Vắng      |              |                |                     |                      |
| 20 | TA012 | Trần Thị Hằng           | 25/07/1989            | Định Tường, Yên Định     | THCS&THPT Thống nhất    | 86.5      |              | 86.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 21 | TA026 | Nguyễn Thị Ngọc         | 06/08/1997            | Quảng Yên, Quảng Xương   | THCS&THPT Thống Nhất    | 69.0      |              | 69.0           |                     |                      |
| 22 | TA035 | Trần Thị Phương Thảo    | 22/12/1987            | Văn Lộc, Hậu Lộc         | THCS&THPT Nghi Sơn      | 75.0      |              | 75.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 23 | TA010 | Hoàng Thị Hà            | 03/03/1989            | Quảng Ngọc, Quảng Xương  | THPT Lê Hoàn            | 69.5      |              | 69.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 24 | TA018 | Lê Thị Hoa              | 20/03/1988            | Thọ Xương, Thọ Xuân      | THPT Thọ Xuân 4         | 75.0      |              | 75.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 25 | TA003 | Ngô Thị Cảnh            | 17/09/1985            | Thiệu Chính, Thiệu Hóa   | THPT Thọ Xuân 5         | 60.5      |              | 60.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |
| 26 | TA021 | Hoàng Thị Huệ           | 19/05/1990            | Hợp Tiến, Triệu Sơn      | THPT Tĩnh Gia 1         | 50.0      |              | 50.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng             |



| TT | SBD   | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|----------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 27 | TA038 | Nguyễn Thị Trang     | 17/03/1994            | Bình Minh, Nghi Sơn     | THPT Tĩnh Gia 1         | 81.0      |              | 81.0           |                     |                   |
| 28 | TA029 | Hoàng Thị Phương     | 10/10/1985            | Quảng Thái, Quảng Xương | THPT Nguyễn Thị Lợi     | 57.5      |              | 57.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 29 | TA032 | Nguyễn Thị Hằng      | 30/04/1983            | Sầm Sơn, Thanh Hóa      | THPT Nguyễn Thị Lợi     | 51.0      | 5.00         | 56.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con TB  |
| 30 | TA032 | Trần Thị Tâm         | 24/05/1986            | Hà Thanh, Hà Trung      | THPT Nguyễn Thị Lợi     | 77.5      |              | 77.5           |                     |                   |
| 31 | TA011 | Cao Thị Hằng         | 05/03/1988            | Trường Sơn, Sầm Sơn     | THPT Nguyễn Thị Lợi     | 75.0      |              | 75.0           |                     |                   |
| 32 | TA039 | Phạm Thị Quỳnh Trang | 19/10/1996            | Quảng Thành, TPTH       | THPT Nguyễn Thị Lợi     | 71.5      |              | 71.5           |                     |                   |
| 33 | TA008 | Lê Thị Minh Đức      | 15/09/1989            | Quảng Hùng, Sầm Sơn     | THPT Nguyễn Thị Lợi     | Vắng      |              |                |                     |                   |
| 34 | TA015 | Trần Thị Thu Hiền    | 05/05/1992            | Bình Lục, Hà Nam        | THPT Thường Xuân 3      | 74.0      |              | 74.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 35 | TA016 | Nguyễn Thị Thu Hiền  | 27/08/1988            | Triệu Sơn, Thanh Hóa    | THCS&THPT Quan Hóa      | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 36 | TA025 | Trương Thị Mơ        | 01/06/1993            | Lương Ngoại, Bá Thước   | THCS&THPT Quan Hóa      | 50.0      | 5.00         | 55.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 37 | TA043 | Trần Thị Yến         | 30/10/1990            | Tân Thọ, Nông Cống      | THCS&THPT Như Thanh     | 86.0      |              | 86.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 38 | TA024 | Nguyễn Thị Loan      | 18/07/1984            | Tân Khang, Nông Cống    | THCS&THPT Như Thanh     | 60.0      |              | 60.0           |                     | Hợp đồng          |
| 39 | TA006 | Vũ Thị Dịu           | 20/10/1996            | Hợp Thắng, Triệu Sơn    | THCS&THPT Như Thanh     | 71.0      |              | 71.0           |                     |                   |
| 40 | TA028 | Vũ Thị Oanh          | 25/06/1984            | Tượng Lĩnh, Nông Cống   | THCS&THPT Như Xuân      | 50.0      |              | 50.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 41 | TA040 | Nguyễn Thị Hồng Tươi | 21/12/1997            | Vạn Thắng, Nông Cống    | THCS&THPT Như Xuân      | 73.0      |              | 73.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 42 | TA037 | Phạm Huyền Trang     | 09/11/1997            | Mậu Lâm, Như Thanh      | THCS&THPT Như Xuân      | 57.5      |              | 57.5           |                     |                   |
| 43 | TA017 | Vũ Thị Hiệp          | 15/06/1993            | Tân Thành, Thường Xuân  | THCS&THPT Như Xuân      | 50.0      |              | 50.0           |                     |                   |

Danh sách này gồm 27 thí sinh dự kiến trúng tuyển



UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ GD&ĐT THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA

Vị trí việc làm: Giáo viên Thể dục

| TT | SBD   | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|--------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 1  | TD012 | Lê Phú Sơn         | 24/11/1982            | Đông Quang, Đông Sơn    | THPT Quan Sơn           | 64.5      | 5.00         | 69.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con TB  |
| 2  | TD013 | Hà Văn Sơn         | 27/04/1991            | Cầm Tân, Cầm Thủy       | THPT Lang Chánh         | 67.0      | 5.00         | 72.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 3  | TD005 | Nguyễn Thị Hồng    | 20/08/1986            | Quảng Tiến, TP Sầm Sơn  | THPT Cầm Bá Thước       | 68.5      |              | 68.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 4  | TD014 | Lưu Anh Thắng      | 19/05/1983            | Vụ Bản, Nam Định        | THPT Cầm Thủy 1         | 56.0      |              | 56.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 5  | TD011 | Vũ Văn Sâm         | 05/07/1985            | Quảng Phú, Thọ Xuân     | THPT Yên Định 3         | 77.0      |              | 77.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 6  | TD010 | Lê Thị Nhung       | 27/04/1997            | Yên Lâm, Yên Định       | THPT Yên Định 3         | 51.5      |              | 51.5           |                     |                   |
| 7  | TD015 | Lê Văn Thịnh       | 01/08/1984            | Quảng Đức, Quảng Xương  | THPT Quảng Xương 4      | 51.0      |              | 51.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 8  | TD003 | Hoàng Văn Đức      | 02/10/1977            | Đồng Tiến, Triệu Sơn    | THPT Đặng Thai Mai      | 71.0      | 2.50         | 73.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, BD XN   |
| 9  | TD016 | Lê Thanh Tùng      | 19/08/1991            | Dân Lực, Triệu Sơn      | THPT Tĩnh Gia 2         | 64.5      |              | 64.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 10 | TD006 | Lương Thị Mai Hồng | 04/10/1990            | Thanh Thủy, Tĩnh Gia    | THPT Tĩnh Gia 2         | 52.0      |              | 52.0           |                     |                   |
| 11 | TD004 | Đình Thanh Hải     | 02/02/1986            | Nghĩa Hưng, Nam Định    | THPT Tĩnh Gia 3         | 67.0      | 5.00         | 72.0           | Trúng tuyển         | Con TB            |
| 12 | TD007 | Lê Thị Lý          | 06/10/1991            | Quảng Thắng, TPTH       | THPT Tĩnh Gia 3         | 52.0      |              | 52.0           |                     |                   |
| 13 | TD019 | Tạ Minh Võ         | 28/06/1986            | Thiệu Công, Thiệu Hóa   | THPT Sầm Sơn            | 65.5      |              | 65.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 14 | TD008 | Phạm Thị Mai       | 08/09/1983            | Quảng Tiến, TP Sầm Sơn  | THPT Nguyễn Thị Lợi     | 71.0      |              | 71.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 15 | TD001 | Vi mạnh Cường      | 09/01/1990            | Sơn Thủy, Quan Sơn      | THCS&THPT Quan Hóa      | 58.0      | 5.00         | 63.0           |                     | DT thiếu số       |
| 16 | TD017 | Hà Thị Tươi        | 06/06/1996            | TT Mường Lát, Mường Lát | THCS&THPT Quan Hóa      | 58.0      | 5.00         | 63.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 17 | TD002 | Lê Tùng Dương      | 06/07/1996            | Hoàng Anh, TP Thanh Hóa | THCS&THPT Quan Hóa      | 61.0      |              | 61.0           |                     |                   |
| 18 | TD009 | Nguyễn Văn Ngợi    | 20/10/1985            | Hoàng Phượng, Hoàng Hóa | THCS&THPT Như Xuân      | 61.5      |              | 61.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 19 | TD018 | Đỗ Trọng Vinh      | 01/08/1987            | Quảng Văn, Quảng Xương  | THCS&THPT Như Xuân      | 61.0      |              | 61.0           |                     |                   |

Danh sách này gồm 13 thí sinh dự kiến trúng tuyển



UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ GD&ĐT THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA

Vị trí việc làm: Giáo viên Tin học

| TT | SBD   | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|----------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 1  | TI002 | Lâu Bá Chư           | 05/05/1990            | Kỳ Sơn, Nghệ An         | THPT Mường Lát          | 50.0      | 5.00         | 55.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 2  | TI017 | Nguyễn Văn Tiến      | 03/02/1982            | Quảng Ngọc, Quảng Xương | THPT Quan Hóa           | 50.0      |              | 50.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 3  | TI007 | Lê Thị Hưng          | 10/02/1991            | Sơn Hà, Quan Sơn        | THCS&THPT Quan Sơn      | 50.0      | 5.00         | 55.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 4  | TI003 | Phạm Thị Diệu        | 15/03/1990            | Quang Trung, Ngọc Lặc   | THPT Lang Chánh         | 70.0      | 5.00         | 75.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 5  | TI016 | Nguyễn Xuân Thắng    | 01/06/1987            | Thọ Thanh, Thường Xuân  | THPT Cẩm Bá Thước       | 50.0      | 5.00         | 55.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con TB  |
| 6  | TI009 | Nguyễn Thị Huyền     | 10/01/1988            | Minh Khôi, Nông Cống    | THPT Như Thanh 2        | 50.0      |              | 50.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 7  | TI001 | Phạm Thị Ánh         | 18/10/1995            | Xuân Bái, Thọ Xuân      | THPT Lê Lai             | 50.0      |              | 50.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 8  | TI011 | Nguyễn Thị Thanh Nga | 13/06/1989            | Thuần Lộc, Hậu Lộc      | THPT Cẩm Thủy 3         | 90.0      |              | 90.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 9  | TI004 | Lê Thị Dung          | 04/10/1986            | Nguyệt Ân, Ngọc Lặc     | THPT Cẩm Thủy 3         | 80.0      |              | 80.0           |                     |                   |
| 10 | TI008 | Hoàng Thương Huyền   | 05/06/1986            | Xuân Du, Như Thanh      | THPT Lam Kinh           | 80.0      |              | 80.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 11 | TI019 | Lê Ngọc Trung        | 13/10/1985            | Thăng Long, Nông Cống   | THPT Nông Cống 3        | 80.0      |              | 80.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 12 | TI015 | Lê Ích Tâm           | 02/06/1982            | Quảng Lưu, Quảng Xương  | THPT Quảng Xương 4      | 90.0      | 5.00         | 95.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con TB  |
| 13 | TI018 | Lê Văn Tính          | 21/12/1984            | Tĩnh Hải, Tĩnh Gia      | THPT Tĩnh Gia 3         | 80.0      |              | 80.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 14 | TI020 | Đỗ Quốc Vương        | 25/06/1982            | Tân Dân, Tĩnh Gia       | THPT Tĩnh Gia 3         | 80.0      |              | 80.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 15 | TI005 | Bùi Thị Duyên        | 23/05/1982            | Hải Ninh, Tĩnh Gia      | THPT Tĩnh Gia 3         | 75.0      |              | 75.0           |                     | Hợp đồng          |
| 16 | TI012 | Nghiêm Thị Nhung     | 02/07/1980            | Nga An, Nga Sơn         | THPT Mai Anh Tuấn       | 60.0      |              | 60.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 17 | TI013 | Bùi Thị Phương       | 02/05/1986            | Ngư Lộc, Hậu Lộc        | THPT Mai Anh Tuấn       | 70.0      |              | 70.0           |                     |                   |
| 18 | TI006 | Đỗ Thị Hiền          | 14/12/1982            | Lộc Sơn, Hậu Lộc        | THPT Hậu Lộc 3          | 70.0      |              | 70.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 19 | TI014 | Phạm Thị Phương      | 14/06/1995            | Tiến Lộc, Hậu Lộc       | THPT Hậu Lộc 3          | 30.0      |              | 30.0           |                     |                   |
| 20 | TI010 | Nguyễn Thị Lê        | 12/04/1988            | TT Triệu Sơn, Triệu Sơn | THCS&THPT Như Thanh     | 80.0      |              | 80.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |

Danh sách này gồm 16 thí sinh dự kiến trúng tuyển



UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**

Trí việc làm: Giáo viên Địa lý

| TT | SBD   | Họ và tên         | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                 | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|-------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 1  | ĐL001 | Hà Thị Bộ         | 28/02/1986            | Văn Nho, Bá Thước        | THPT Quan Sơn           | 83.5      | 5.00         | 88.5           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 2  | ĐL014 | Phạm Thị Minh     | 23/09/1986            | Thiết Ống, Bá Thước      | THPT Quan Sơn           | 81.0      | 5.00         | 86.0           |                     |                   |
| 3  | ĐL013 | Lê Hương Ly       | 01/06/1985            | Yên Cát, Như Xuân        | THPT Quan Sơn           | 60.5      | 5.00         | 65.5           |                     | DT thiếu số       |
| 4  | ĐL011 | Lê Đức Long       | 14/01/1990            | Vạn Xuân, Thường Xuân    | THPT Quan Sơn           | 62.5      | 2.50         | 65.0           |                     | Trí thức trẻ TN   |
| 5  | ĐL015 | Lê Thị Hồng Nhung | 29/09/1995            | Cầm Sơn, Cầm Thủy        | THPT Quan Sơn           | 60.0      | 5.00         | 65.0           |                     | DT thiếu số       |
| 6  | ĐL016 | Phạm Thị Phương   | 28/05/1994            | Thành Sơn, Quan Hóa      | THPT Quan Sơn           | 60.0      | 5.00         | 65.0           |                     | DT thiếu số       |
| 7  | ĐL020 | Lò Huyền Trang    | 22/02/1990            | Văn Chấn, Yên Bái        | THPT Quan Sơn           | 60.0      | 5.00         | 65.0           |                     | DT thiếu số       |
| 8  | ĐL022 | Đinh Thị Vui      | 11/12/1988            | Kiên Thọ, Ngọc Lặc       | THPT Quan Sơn           | 58.0      | 5.00         | 63.0           |                     | DT thiếu số       |
| 9  | ĐL012 | Hà Thị Lượng      | 03/03/1995            | Lũng Niêm, Bá Thước      | THPT Quan Sơn           | 57.5      | 5.00         | 62.5           |                     | DT thiếu số       |
| 10 | ĐL008 | Nguyễn Hoàng Khôi | 13/11/1995            | Thọ Lập, Thọ Xuân        | THPT Quan Sơn           | 57.5      |              | 57.5           |                     |                   |
| 11 | ĐL021 | Ngân Thị Văn      | 07/04/1994            | Yên Thắng, Lang Chánh    | THPT Quan Sơn           | Vắng      |              |                |                     | DT thiếu số       |
| 12 | ĐL005 | Nguyễn Thị Hoa    | 15/03/1985            | Định Tiến, Yên Định      | THPT Như Thanh 2        | 66.0      |              | 66.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 13 | ĐL009 | Hà Thị Khuyên     | 15/05/1988            | Hợp Tiến, Triệu Sơn      | THPT Như Thanh 2        | 60.5      |              | 60.5           |                     |                   |
| 14 | ĐL003 | Lê Thị Hạnh       | 11/01/1990            | Thạch Quảng, Thạch Thành | THPT Thạch Thành 4      | 71.5      | 5.00         | 76.5           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 15 | ĐL010 | Cao Thị Liên      | 04/01/1991            | Tiến Lộc, Hậu Lộc        | THPT Thạch Thành 4      | 71.0      |              | 71.0           |                     |                   |
| 16 | ĐL018 | Nguyễn Thị Quyên  | 27/01/1996            | Điền Trung, Bá Thước     | THPT Thạch Thành 4      | 60.0      |              | 60.0           |                     |                   |
| 17 | ĐL017 | Vũ Thị Đan Phượng | 31/12/1986            | Thiệu Quang, Thiệu Hóa   | THPT Nguyễn Quán Nho    | 66.5      |              | 66.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 18 | ĐL002 | Trịnh Thị Hà      | 13/06/1985            | TT Quán Lào, Yên Định    | THPT Nguyễn Quán Nho    | 69.0      |              | 69.0           |                     |                   |
| 19 | ĐL019 | Cao Thị Thương    | 30/04/1985            | Thiệu Tâm, Thiệu Hóa     | THPT Nguyễn Quán Nho    | 64.0      | 5.00         | 69.0           |                     | Con TB            |
| 20 | ĐL006 | Phạm Thị Hương    | 10/07/1989            | Cầm Châu, Cầm Thủy       | THPT Nông Cống 2        | 71.0      | 5.00         | 76.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT      |
| 21 | ĐL007 | Nguyễn Đức Khang  | 10/03/1984            | Vạn Thắng, Nông Cống     | THPT Nông Cống 2        | 61.0      |              | 61.0           |                     |                   |
| 22 | ĐL004 | Hoàng Thị Hạnh    | 08/01/1985            | Mình Nghĩa, Nông Cống    | THPT Nông Cống 3        | 79.0      |              | 79.0           | Trúng tuyển         |                   |

Danh sách này gồm 06 thí sinh dự kiến trúng tuyển



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**

Vị trí việc làm: Kỹ thuật nông nghiệp

| TT | SBD   | Họ và tên        | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán               | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 1  | KN005 | Thịnh Thị Phương | 01/05/1992            | Nga Vịnh, Nga Sơn      | THPT Quan Sơn           | 74.5      |              | 74.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 2  | KN003 | Lê Thị Ánh Hồng  | 08/07/1993            | Cầm Sơn, Cầm Thủy      | THPT Cầm Thủy 1         | 88.0      |              | 88.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 3  | KN006 | Đào Huyền Trang  | 24/06/1987            | An Nông, Triệu Sơn     | THPT Triệu Sơn 2        | 82.0      |              | 82.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 4  | KN002 | Vũ Thị Hồng      | 16/06/1982            | Quảng Cư, TP Sầm Sơn   | PT Nguyễn Mộng Tuân     | 85.0      |              | 85.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 5  | KN004 | Nguyễn Thị Mười  | 20/05/1982            | Trung Thành, Nông Cống | THPT Nông Cống 1        | 67.0      | 5.00         | 72.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, Con TB  |
| 6  | KN001 | Đỗ Thị Hằng      | 09/09/1992            | Xuân Trường, Thọ Xuân  | THPT Chu Văn An         | 74.0      |              | 74.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 7  | KN007 | Nguyễn Thị Hà Vy | 26/06/1991            | Ba Đình, Nga Sơn       | THPT Ba Đình            | 73.5      |              | 73.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |

*Danh sách này gồm 07 thí sinh dự kiến trúng tuyển*



**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**

Vị trí việc làm: Giáo dục công dân

| TT | SBD   | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên |
|----|-------|----------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|-------------------|
| 1  | CD015 | Hà Thị Yến           | 20/10/1990            | Trung Xuân, Quan Sơn    | THPT Quan Sơn           | 75.0      | 5.00         | 80.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 2  | CD010 | Hà Văn Thảo          | 23/09/1985            | Thành Lâm, Bá Thước     | THPT Hà Văn Mao         | 83.0      | 5.00         | 88.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số       |
| 3  | CD011 | Lê Thị Thuận         | 28/08/1995            | Đồng Lương, Lang Chánh  | THPT Hà Văn Mao         | 70.0      | 5.00         | 75.0           |                     | DT thiếu số       |
| 4  | CD012 | Cao Thị Tuyết        | 15/05/1990            | Cầm Quý, Cầm Thủy       | THPT Hà Văn Mao         | 68.5      | 5.00         | 73.5           |                     | DT thiếu số       |
| 5  | CD009 | Nguyễn Văn Quang     | 10/08/1986            | Điền Lư, Bá Thước       | THPT Hà Văn Mao         | 68.0      |              | 68.0           |                     |                   |
| 6  | CD003 | Cao Thị Thu Hà       | 05/08/1992            | Cầm Tú, Cầm Thủy        | THPT Hà Văn Mao         | 58.0      | 5.00         | 63.0           |                     | DT thiếu số       |
| 7  | CD007 | Nguyễn Thị Lương     | 05/06/1990            | Trường Giang, Nông Cống | THPT Như Xuân           | 94.0      |              | 94.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 8  | CD006 | Quách Thị Liên       | 01/01/1990            | Xuân Khang, Như Thanh   | THPT Như Xuân           | 82.0      | 5.00         | 87.0           |                     | DT thiếu số       |
| 9  | CD002 | Hoàng Thị Giang      | 06/10/1987            | Xuân Khao, Thường Xuân  | THPT Như Xuân           | 76.0      | 5.00         | 81.0           |                     | DT thiếu số       |
| 10 | CD004 | Nguyễn Thị Diệu Hiền | 06/02/1985            | Quảng Tân, Quảng Xương  | THPT Như Thanh 2        | 93.0      |              | 93.0           | Trúng tuyển         | Hợp đồng          |
| 11 | CD008 | Vũ Thị Phượng        | 28/11/1990            | Xuân Châu, Thọ Xuân     | THPT Bắc Sơn            | 85.5      |              | 85.5           | Trúng tuyển         |                   |
| 12 | CD014 | Lê Thị Xuân          | 06/02/1988            | Hoàng Đại, TP Thanh Hóa | THPT Thạch Thành 1      | 85.0      |              | 85.0           | Trúng tuyển         |                   |
| 13 | CD013 | Phạm Thị Vân         | 02/10/1986            | Nga Lĩnh, Nga Sơn       | THPT Thạch Thành 1      | 75.5      |              | 75.5           |                     |                   |
| 14 | CD001 | Cao Thị Diệu         | 27/12/1990            | Ngọc Trạo, Thạch Thành  | THPT Thạch Thành 1      | 69.0      | 5.00         | 74.0           |                     | DT thiếu số       |
| 15 | CD005 | Trần Thị Lê          | 30/12/1987            | Hoảng Xuân, Hoảng Hóa   | THPT Thạch Thành 4      | 93.5      |              | 93.5           | Trúng tuyển         | Hợp đồng, DT      |

Danh sách này gồm 07 thí sinh dự kiến trúng tuyển

UBND TỈNH THANH HÓA  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DANH SÁCH DỰ KIẾN THÍ SINH TRÚNG TUYỂN GIÁO VIÊN THPT CÔNG LẬP TỈNH THANH HÓA**

Vị trí việc làm: Kỹ thuật công nghiệp

| TT | SBD   | Họ và tên       | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán                  | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm KTSH | Điểm ưu tiên | Điểm xét tuyển | Dự kiến trúng tuyển | Đối tượng ưu tiên    |
|----|-------|-----------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------|-----------|--------------|----------------|---------------------|----------------------|
| 1  | KC003 | Lý Thị Thủy     | 18/11/1988            | Yên Bình, Yên Bái         | THPT Mường Lát          | 81.0      | 5.00         | 86.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 2  | KC001 | Phạm Thị Ngân   | 06/07/1986            | Trung Thành, Quan Hóa     | THPT Quan Hóa           | Vắng      |              |                |                     | Cử tuyển, DT         |
| 3  | KC004 | Phạm Song Toàn  | 20/02/1988            | Sơn Điền, Quan Sơn        | THPT Quan Sơn           | 72.5      | 5.00         | 77.5           | Trúng tuyển         | Cử tuyển, DT, Con BB |
| 4  | KC002 | Hoàng Thị Tâm   | 02/02/1990            | Thanh Quân, Như Xuân      | THPT Như Xuân 2         | 69.0      | 5.00         | 74.0           | Trúng tuyển         | DT thiếu số          |
| 5  | KC005 | Ngô Quỳnh Trang | 12/09/1997            | Thiệu Khánh, TP Thanh Hóa | THPT Như Thanh          | 78.0      |              | 78.0           | Trúng tuyển         |                      |

*Danh sách này gồm 04 thí sinh dự kiến trúng tuyển*